

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2021

DỰ KIẾN THỜI KHÓA BIỂU

Kỳ 2 năm học 2019-2020 Hệ Chính quy

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
	1070040	Âm nhạc mới Việt Nam	MUS2007	2	6												1*MUS2007		
01	1070040				6	Ng.Thị Thu Trang						7-11, DNN		23/03/2020	19/04/2020				2018
	1090119	Âm nhạc Việt Nam	MUS2056	3	3														
02	1090119				1	.										thai binh			2019
03	1090119				1	.										hung yen			2018
04	1090119				1														2018
	1070125	Âm nhạc Việt nam	MUS2056	3	201												3*		
01	1070125				40	Ng.Thị Thu Trang	7-11, D404							30/12/2019	19/04/2020				2017
02	1070125				40	Ng.Thị Thu Trang				1-5, D1				30/12/2019	19/04/2020				2017
03	1070125				40	Nguyễn Thị Phương Mai	1-5, DNN							30/12/2019	19/04/2020				2017
04	1070125				40	Nguyễn Thị Phương Mai			1-5, D405					30/12/2019	19/04/2020				2017
05	1070125				40	Nguyễn Thị Phương Mai						1-5, DNN		30/12/2019	19/04/2020	ghep K10 LT			2017
06	1070125				1	Ng.Thị Thu Trang							1-5, LT						2019
	1140032	Bệnh trẻ em	PPE2013	2	8												2*		
01	1140032				8	Nguyễn Quỳnh Trang				1-5, E501				16/03/2020					2017
	1060045	Bổ cục chất liệu Khắc gỗ	FAE2008	2	192												4*FAE2008		
07	1060045				14	Lưu Thị Hồng Diễm	1-5, B104	1-5, B104	1-5, B104					30/12/2019	08/03/2020	K 13 MT + K5 HH			2018
08	1060045				14	Nguyễn Quang Huy	1-5, B105	1-5, B105	1-5, B105					30/12/2019	08/03/2020	K 13 MT + K5 HH			2018
09	1060045				14	Nguyễn Thị May	1-5, B106	1-5, B106	1-5, B106					30/12/2019	08/03/2020	K 13 MT + K5 HH			2018
10	1060045				25	Nguyễn Thị May							1-5, BC			K11 SPMT			2019
11	1060045				25	Lưu Thị Hồng Diễm							1-5, BC			K11 SPMT			2019
12	1060045				25	Nguyễn Quang Huy							1-5, BC			K11 SPMT			2019
13	1060045				25	Nguyễn Thị May							1-5, BC			K11 SPMT			2019
14	1060045				25	Lưu Thị Hồng Diễm							1-5, BC			K11 SPMT			2019
15	1060045				25	Nguyễn Quang Huy							1-5, BC			K11 SPMT			2019
	1060044	Bổ cục chất liệu lụa 1	FAE2007	2	126												4*FAE2007		
01	1060044				14	Nguyễn Thị Trang Ngà							7-11, BC			K11 Hung Mo			2019
02	1060044				14	Vũ Thị Kim Vân							7-11, BC			K11 Hung Mo			2019
03	1060044				14	Nguyễn Thị Hà Hoa	1-5, B104	1-5, B104	1-5, B104					30/03/2020		K 13 MT + K5 HH			2018
04	1060044				14	Nguyễn Thị Trang Ngà	1-5, B105	1-5, B105	1-5, B105					30/03/2020		K 13 MT + K5 HH			2018
05	1060044				14	Nguyễn Thị Huyền	1-5, B106	1-5, B106	1-5, B106					30/03/2020		K 13 MT + K5 HH			2018
06	1060044				14	Nguyễn Thị Hà Hoa							7-11, BC			K11 Hung Mo			2019
07	1060044				14	Vũ Thị Kim Vân							7-11, BC			K11 Hung Mo			2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
08	1060044				14	Lưu Thị Hồng Diễm							7-11, BC			K11 Hưng Mo			2019
09	1060044				14	Nguyễn Thị Trang Ngà							7-11, BC			K11 Hưng Mo			2019
	1060046	Bố cục chất liệu Sơn mài 1	FAE2009	2	26												4* FAE2009		
01	1060046				13	Nguyễn Quang Hải	1-5, B102	1-5, B102	1-5, B102					06/01/2020	15/03/2020				2017
02	1060046				13	Chu Hoàng Trung	1-5, B103	1-5, B103	1-5, B103					06/01/2020	15/03/2020				2017
	1060042	Bố cục cơ bản	FAE2053	2	3												2_SPMT_M4		
03	1060042				3	Vũ Thị Kim Vân			7-11, B105							K6 HH			2019
	1090136	Các ngành công nghiệp văn hóa	CLM2046	2	1														
02	1090136				1	..										Nghe an			2019
	1080030	Các tộc người ở Việt Nam	CLM2031	2	45												6_QLVH_M4		
01	1080030				45	Bùi Hồng Hạnh	7-11, E501							30/12/2019	05/04/2020				2017
	1090094	Các tộc người ở Việt Nam	CLM2031	2	4												CLM2031		
01	1090094				4	..										Nghe an		CD_QLV H-Nghe an	2019
	1090137	Các vùng văn hóa ở Việt Nam	CLM2032	2	1														
02	1090137				1	..										Nghe an			2019
	1090035	Chất liệu tổng hợp	FAE2015	2	14												FAE2015		
01	1090035				14											T_MT-Thái bình		T_M T-Thái bình	2018
	1200022	Chế tác phụ trang	DGI2022	2	16														
01	1200022				16	Lê Thị Lan			1-5, E					06/01/2020	29/03/2020				2017
	1090117	Chỉ huy hợp xướng	MUS2028	2	1														
05	1090117				1	.										thái bình			2019
	1070107	Chỉ huy hợp xướng	*MUS2075	2													2017		
01	1070107				0	Phạm Hoàng Trung			7-11, D3					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
02	1070107				0	Lê Vinh Hưng			7-11, D3					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
03	1070107				0	Phạm Hoàng Trung				7-11, D3				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
04	1070107				0	Phạm Hoàng Trung				7-11, D3				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
	1090088	Chính sách pháp luật về Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam	CLM2014	2	1												CLM2014		
01	1090088				1	..										Nghe an			2019
	1080017	Chính sách pháp luật về VHNT Việt Nam	CLM2014	2	84												1_QLVH_M3_TC		
01	1080017				42	Nguyễn Hữu Thức	1-5, E503							30/12/2019	05/04/2020				2019
02	1080017				42	Nguyễn Hữu Thức				1-5, E503				30/12/2019	05/04/2020				2019
	1100091	Chương trình biểu diễn nghệ thuật tốt nghiệp	VMU2016	15	2														
01	1100091				1								1-5, D						2015
02	1100091				1														2015
	1100096	Chương trình biểu diễn nghệ thuật tốt nghiệp	VMU2016	14	45												2017		
01	1100096				45								1-5, D	04/05/2020					2016
	1080115	Chương trình biểu diễn nghệ thuật tốt nghiệp	CLM2077	10	11												DVK		
01	1080115				11								1-5, E	04/05/2020					2016
	1190036	Chương trình biểu diễn tốt nghiệp	PIA2022	14	15												2017		
01	1190036				15								1-5, D	04/05/2020					2016
	1090050	Chương trình Thực hành biểu diễn nghệ thuật	CLM2053	5	45												8_QLVH_M5		

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
	1080050	(Tốt nghiệp)	CLM2052	5	47												8_QLVH_M5		
01	1080050				47								1-2, TN	04/05/2020					2016
	1190029	Chuyên đề 1	PIA2019	2	25														
01	1190029				25	Đỗ Thanh Nhân					1-3, D4			03/02/2020	12/04/2020				2018
	1080111	Chuyên đề 1	CLM2073	2	20												DVK		
01	1080111				18	Nguyễn Thị Phương Thanh						1-5, E		30/12/2019					2018
02	1080111				1	Dương Anh Đức							1-5, LR			Lop riêng			2017
03	1080111				1														2017
	1080112	Chuyên đề 2	CLM2074	2	23												DVK		
01	1080112				23	Dương Anh Đức						1-5, E		30/12/2019					2017
	1090116	Chuyển soạn cho hợp xướng	MUS2074	2	2														
04	1090116				1	.										hung yen			2018
05	1090116				1														2018
	1060019	Cơ sở tạo hình	FAE2056	2	1												2_SPMT_M3		
07	1060019				1	Đào Thị Thuý Anh							1-5, LR			Lop riêng			2016
	1020020	Cơ sở tạo hình (Mặt phẳng và khối)	FAD2003	2	1														
01	1020020				1	Vũ Thanh Nghị							1-5, LR			Lop riêng			2016
	1170005	Cơ sở tạo hình mặt phẳng	GRD2004	2	160												Cơ sở tạo hình 1		
01	1170005				40	Nguyễn Thành Sơn	1-5, E603							30/12/2019	22/03/2020				2019
02	1170005				40	Nguyễn Thành Sơn				1-5, E603				30/12/2019	22/03/2020				2019
03	1170005				40	Nguyễn Hữu Dũng					1-5, E603			30/12/2019	22/03/2020				2019
04	1170005				40	Nguyễn Hữu Dũng						1-5, E603		30/12/2019	22/03/2020				2019
	1170010	Cơ sở tạo khối không gian	GRD2005	2	1												Cơ sở tạo hình 2		
04	1170010				1	Nguyễn Hữu Dũng							1-5, LR			LR			2015
	1020024	Cơ sở thiết kế trang phục	FAD2015	2	60														
01	1020024				15	Vũ Mai Hiền					7-11, E703			10/02/2020	05/04/2020				2017
02	1020024				15	Lưu Ngọc Lan		7-11, E703						10/02/2020	05/04/2020				2017
03	1020024				15	Đỗ Thu Huyền					7-11, E703			10/02/2020	05/04/2020				2017
04	1020024				15	Nguyễn Huyền Trang		7-11, E703						10/02/2020	05/04/2020				2017
	1090008	Cơ sở văn hóa Việt Nam	CLM2001	3	15												CLM2001		
03	1090008				1	.										thai binh			2019
05	1090008				14											T_MT-Th ai binh		T_M T-Th ai binh	2018
	1080001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	CLM2001	3	280												Dung chung		
06	1080001				40	Vũ Thị Thái Hoa		7-11, E503						30/12/2019	19/04/2020				2019
07	1080001				40	Nguyễn Thị Thanh Loan			7-11, E503					30/12/2019	19/04/2020				2019
08	1080001				40	Tráng Thị Thuý		7-11, E501						30/12/2019	19/04/2020				2019
09	1080001				40	Bùi Hồng Hạnh					7-11, E501			30/12/2019	19/04/2020				2019
10	1080001				40	Nông Thị Thanh Thuý					1-5, E503			30/12/2019	19/04/2020				2019
11	1080001				40	Nguyễn Hữu Thúc			1-5, E501					30/12/2019	19/04/2020				2019
12	1080001				40	Đào Thị Thủy Tiên	7-11, E502							30/12/2019	19/04/2020				2019
	1020017	Công nghệ may 1	FAD2009	2	60														
01	1020017				60	Ng.Triều Dương			1-5, E					30/12/2019	23/02/2020				2019
	1200023	Công nghệ may 3	DGI2023	2	8														
01	1200023				8	Ngô Thị Thùy Thu				7-11, XM A				06/01/2020	05/04/2020				2018
	1080052	Đại cương các loại hình NT 1 (Múa+ Âm nhạc)	CLM2008	3	42												5_QLVH_M3		

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
01	1080052				42	Lý Minh Huệ		1-5, E502						30/12/2019	05/04/2020				2018
	1080011	Đại cương các loại hình NT 2 (Sân khấu + Mỹ thuật)	CLM2009	3	42												5_QLVH_M3		
01	1080011				42	Phạm Ngọc Thùy				7-11, E501				30/12/2019	05/04/2020				2018
	1100087	Dân ca	VMU2001	2	200												VMU2001		
01	1100087				25	Đào Thị Khánh Chi		1-5, D405						06/01/2020					2019
02	1100087				25	Ngân Thị Thương	1-5, D405							06/01/2020					2019
03	1100087				25	Ngân Thị Thương					1-5, D405			06/01/2020					2019
04	1100087				25	Đặng Thị Lan		1-5, E305						06/01/2020					2019
05	1100087				25	Đặng Thị Lan			1-5, D406					06/01/2020					2019
06	1100087				25	Đặng Thị Lan			7-11, D405					06/01/2020					2019
07	1100087				25	Đặng Thị Lan				1-5, D405				06/01/2020					2019
08	1100087				25	Đặng Thị Lan				7-11, D405				06/01/2020					2019
	1090120	Dàn dựng chương trình Âm nhạc tổng hợp 1	MUS2066	2	1														
03	1090120				1	.										thai binh			2019
	1090121	Dàn dựng chương trình Âm nhạc tổng hợp 2	MUS2067	2	2														
01	1090121				1	.										hung yen			2018
02	1090121				1														2018
	1070078	Dàn dựng tổng hợp	*MUS2029	3													MUS2029		
01	1070078				0	Lê Vinh Hưng	7-11, DNN							30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2016
02	1070078				0	Phạm Xuân Danh		1-5, E607						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2016
03	1070078				0	Phạm Xuân Danh					1-5, D3			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2016
04	1070078				0	Phạm Hoàng Trung				1-5, E607				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2016
05	1070078				0	Phạm Hoàng Trung					1-5, E607			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2016
06	1070078				0	Phạm Hoàng Trung					7-11, E607			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2016
	1190010	Đệm thanh nhạc 1.2	PIA2007	1															
01	1190010				0	Trần Hà Mi		7-8, D						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
02	1190010				0	Đặng Thái Sơn				2-6, D4				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
03	1190010				0	Đặng Thái Sơn					2-6, D201			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
04	1190010				0	Lương Đức Giang				2-6, C309				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
05	1190010				0	Trần Quốc Thùy				7-11, C309				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
06	1190010				0	Vũ Thanh Xuân					7-11, E306			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
07	1190010				0	Bùi Thị Diệu Minh	7-11, D4							30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
08	1190010				0	Trần Quốc Thùy					7-11, D			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
	1190011	Đệm thanh nhạc 2.1	PIA2008	1	1														
02	1190011				1	Đặng Thái Sơn						7-8, D		30/12/2019					2017
	1190012	Đệm thanh nhạc 2.2	PIA2008	1	1														
01	1190012				0	Lê Hải Thuận				7-11, D4				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
02	1190012				0	Đặng Thái Sơn						7-12, D202		30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
03	1190012				0	Vũ Thanh Xuân					7-9, D202			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
04	1190012				1	Lê Hải Thuận	7-8, D							30/12/2019					2018
	1190013	Đệm thanh nhạc 3.1	PIA2009	1	11														
06	1190013				1	Lại Thị Phương Thảo				7-8, D				30/12/2019					2017
07	1190013				1	Vũ Thanh Xuân					7-8, D								2017
08	1190013				3														2017
09	1190013				3														2017
10	1190013				3														2017
	1190014	Đệm thanh nhạc 3.2	PIA2009	1	1														

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
04	1190014				0	Lê Hải Thuận					1-2, D4			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
05	1190014				0	Trần Quốc Thùy					7-10, C309			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
06	1190014				0	Lương Đức Giang						1-6, D4		30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
07	1190014				0	Lương Đức Giang		3-4, D						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
08	1190014				0	Trần Quốc Thùy					12-14, D208			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
09	1190014				1	Vũ Thanh Xuân						1-2, D		30/12/2019					2017
	1190015	Đệm thanh nhạc 4.1	PIA2010	1	7														
01	1190015				1	Lại Thị Phương Thảo	7-8, D							30/12/2019		HLai			2016
03	1190015				1	Lại Thị Phương Thảo	1-2, D							30/12/2019		HLai			2016
06	1190015				1	Vũ Thanh Xuân						1-2, D		30/12/2019		HLai			2016
07	1190015				1	Lương Đức Giang						1-2, D							2016
08	1190015				1														2016
09	1190015				1														2016
10	1190015				1														2016
	1190016	Đệm thanh nhạc 4.2	PIA2010	1	1														
01	1190016				0	Lê Hải Thuận		3-6, D4						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2016
02	1190016				0	Lương Đức Giang						7-11, D4		30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2016
03	1190016				0	Lê Hải Thuận				3-6, D4				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2016
04	1190016				1	Vũ Thanh Xuân		7-8, D						30/12/2019					2016
	1060073	Điều khắc	FAE2054	2	43														
01	1060073				14	Lê Thị Kim Liên	7-11, B201	7-11, B201	7-11, B201					30/03/2020		K 13 MT + K5 HH			2018
02	1060073				14	Phan Văn Hùng	7-11, B202	7-11, B202	7-11, B202					30/03/2020		K 13 MT + K5 HH			2018
03	1060073				14	Phan Văn Hùng	7-11, B203	7-11, B203	7-11, B203					30/03/2020		K 13 MT + K5 HH			2018
04	1060073				1	Lê Thị Kim Liên							1-5, LR			Lop riêng			2016
	1140029	Đinh dưỡng trẻ em	PPE2020	2	8												2*		
02	1140029				8									09/03/2020		Huy 3 sv ãk			2017
	1200034	Đồ án thiết kế	DGI2034	3	16														
01	1200034				16	Ng.Thị Minh Ngọc	1-5, A203							06/01/2020	03/05/2020				2017
	1020010	Đồ án tổng hợp tiên tốt nghiệp	FAD2030	2	1														
13	1020010				1	Ng.Thị Minh Ngọc							1-5, E			Lop riêng			2016
	1020008	Đồ án tốt nghiệp	FAD2046	8															
01	1020008				0	Hoàng Thị Oanh							7-11, DA			ko DK			2016
02	1020008				0	Lê Phương Anh							7-11, DA			ko DK			2016
03	1020008				0	Lưu Ngọc Lan							7-11, DA			ko DK			2016
04	1020008				0	Vũ Mai Hiền							7-11, DA			ko DK			2016
05	1020008				0	Lê Thị Hồng Quyên							7-11, DA			ko DK			2016
06	1020008				0	Nguyễn Huyền Trang							7-11, DA			ko DK			2016
07	1020008				0	Ng.Thị Bích Liên							7-11, DA			ko DK			2016
08	1020008				0	Ng.Triều Dương							7-11, DA			ko DK			2016
09	1020008				0	Lê Nguyễn Kiều Trang							7-11, DA			ko DK			2016
10	1020008				0	Đỗ Thu Huyền							7-11, DA			ko DK			2016
11	1020008				0	Ngô Thị Thủy Thu							7-11, DA			ko DK			2016
12	1020008				0	Ng.Thị Minh Ngọc							7-11, DA			ko DK			2016
	1170049	Đồ án tốt nghiệp	*GRD2042	20													10_TKDH_M5		
01	1170049				0	Phạm Hùng Cường							7-11, DA	30/12/2019	26/04/2020				2015
02	1170049				0	Phạm Phương Linh							7-11, DA	30/12/2019	26/04/2020				2015

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
03	1170049				0	Lê Đức Cường							7-11, DA	30/12/2019	26/04/2020				2015
04	1170049				0	Dương Thị Vân							7-11, DA	30/12/2019	26/04/2020				2015
05	1170049				0	Lò Mai Trang							7-11, DA	30/12/2019	26/04/2020				2015
06	1170049				0	Nguyễn Đức Lâm							7-11, DA	30/12/2019	26/04/2020				2015
07	1170049				0	Nguyễn Văn Hiến							7-11, DA	30/12/2019	26/04/2020				2015
08	1170049				0	Lê Huy Thục							7-11, DA	30/12/2019	26/04/2020				2015
09	1170049				0	Nguyễn Quang Huy							7-11, DA	30/12/2019	26/04/2020				2015
10	1170049				0	Tổng Việt Anh							7-11, DA	30/12/2019	26/04/2020				2015
11	1170049				0	Nguyễn Hải Kiên							7-11, DA	30/12/2019	26/04/2020				2015
12	1170049				0	Nguyễn Duy Hùng							7-11, DA	30/12/2019	26/04/2020				2015
13	1170049				0	Vũ Minh Hoàng							7-11, DA	30/12/2019	26/04/2020				2015
14	1170049				0	Nguyễn Xuân Tâm							7-11, DA	30/12/2019	26/04/2020				2015
15	1170049				0	Vũ Xuân Hiến							7-11, DA	30/12/2019	26/04/2020				2015
16	1170049				0	Ng.Hoài Phương Anh							7-11, DA	30/12/2019	26/04/2020				2015
17	1170049				0	Nguyễn Thị Hải Yến							7-11, DA	30/12/2019	26/04/2020				2015
18	1170049				0	Ng.Duy Quốc Tuấn							7-11, DA	30/12/2019	26/04/2020				2015
19	1170049				0	Nguyễn Lê Mai							7-11, DA	30/12/2019	26/04/2020				2015
20	1170049				0	Nguyễn Thành Sơn							7-11, DA	30/12/2019	26/04/2020				2015
21	1170049				0	Nguyễn Trần Thế Hiệp							7-11, DA	30/12/2019	26/04/2020				2015
22	1170049				0	Nguyễn Hữu Dũng							7-11, DA	30/12/2019	26/04/2020				2015
23	1170049				0	Nguyễn Hồng Sơn							7-11, DA	30/12/2019	26/04/2020				2015
	1200014	Đồ họa công nghệ may	DGI2014	2	8														
01	1200014				8	Bùi Thị Nam			7-11, E					06/01/2020	05/04/2020				2018
	1020001	Đồ họa thời trang 3	FAD2033	3	60														
01	1020001				15	Nguyễn Hoàng Tùng	7-11, E							06/01/2020	26/04/2020				2017
02	1020001				15	Hoàng Thắng	7-11, E							06/01/2020	26/04/2020				2017
03	1020001				15	Nguyễn Hải Hà				1-5, E				06/01/2020	26/04/2020				2017
04	1020001				15	Bùi Thị Nam				1-5, E				06/01/2020	26/04/2020				2017
	1130004	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	POL2004	3	364												4* 4_mon_chung_M1		
01	1130004				52	Bạch Thị Lan Anh	1-5, E301							06/01/2020					2018
02	1130004				52	Bạch Thị Lan Anh						1-5, E301		06/01/2020					2018
03	1130004				52	Bạch Thị Lan Anh						7-11, E301		06/01/2020					2018
04	1130004				52	Mai Thanh Hồng		1-5, E301						06/01/2020					2018
05	1130004				52	Mai Thanh Hồng			1-5, E301					06/01/2020					2018
06	1130004				52	Mai Thanh Hồng				1-5, E301				06/01/2020					2018
07	1130004				52	Phạm Ngọc Anh					7-11, E301			06/01/2020					2018
	1080012	Đường lối VHVN của ĐCS Việt Nam	CLM2010	2	1												2_QLVH_M3		
05	1080012				1	Nguyễn Thị Thanh Loan							1-5, LR			Lop riêng			2016
	1060022	Giải phẫu tạo hình	FAE2077	2	39												2_SPMT_M3		
05	1060022				39	Trang Tổ Uyên					1-5, E505			30/12/2019	29/03/2020	K14 MT K6 HH			2019
	1140007	Giáo dục học	PPE2002	4	240												2* Tam_ly giao duc		
01	1140007				40	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	7-11, E507							30/12/2019	05/04/2020				2019
02	1140007				40	Nguyễn Thị Tuyết Nhung			7-11, E507					30/12/2019	05/04/2020				2019
03	1140007				40	Nguyễn Thị Tuyết Nhung					7-11, E506			30/12/2019	05/04/2020				2019
04	1140007				40	Nguyễn Thị Duyên	1-5, E507							30/12/2019	05/04/2020				2019
05	1140007				40	Nguyễn Thị Duyên		1-5, E501						30/12/2019	05/04/2020				2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
06	1140007				40	Nguyễn Thị Duyên						1-5, E507		30/12/2019	05/04/2020				2019
	1090017	Giáo dục học	PPE2002	4	14												PPE2002		
01	1090017				14											T_MT-Thái bình		T_MT-Thái bình	2018
	1140025	Giáo dục mầm non	PPE2019	2	30												3*		
01	1140025				30	Nguyễn Thị Tuyết Nhung		7-11, E507						06/01/2020	01/03/2020				2018
	1140003	Giáo dục thể chất 2	PPE2011	0	594												2*2_mon_chung_M1		
01	1140003				33	Phạm Minh Tuấn		1-5, Cầu lông						30/12/2019					2019
02	1140003				33	Phạm Minh Tuấn			1-5, Cầu lông					30/12/2019					2019
03	1140003				33	Phạm Minh Tuấn		7-11, Cầu lông						30/12/2019					2019
04	1140003				33	Bùi Thị Ánh Tuyết				1-5, Cầu lông				30/12/2019					2019
05	1140003				33	Bùi Thị Ánh Tuyết					1-5, Cầu lông			30/12/2019					2019
06	1140003				33	Bùi Thị Ánh Tuyết					7-11, Cầu lông			30/12/2019					2019
07	1140003				33	Bùi Thị Huyền	1-5, Khiêu vũ							30/12/2019					2019
08	1140003				33	Bùi Thị Huyền			1-5, Cầu lông					30/12/2019					2019
09	1140003				33	Bùi Thị Huyền					1-5, Cầu lông			30/12/2019					2019
10	1140003				33	Nguyễn Minh Trâm	1-5, Khiêu vũ							30/12/2019					2019
11	1140003				33	Nguyễn Minh Trâm		1-5, Khiêu vũ						30/12/2019					2019
12	1140003				33	Nguyễn Minh Trâm			1-5, Khiêu vũ					30/12/2019					2019
13	1140003				33	Lê Việt Hùng	7-11, Võ							30/12/2019					2019
14	1140003				33	Lê Việt Hùng		7-11, Võ						30/12/2019					2019
15	1140003				33	Lê Việt Hùng			7-11, Võ					30/12/2019					2019
16	1140003				33	Phạm Thị Huyền Trang	1-5, Võ							30/12/2019					2019
17	1140003				33	Phạm Thị Huyền Trang	7-11, Cầu lông							30/12/2019					2019
18	1140003				33	Phạm Thị Huyền Trang					7-11, Võ			30/12/2019					2019
	1070072	Hát hợp xướng	*MUS2027	3													MUS2027		
01	1070072				0	Lê Vinh Hưng				7-11, DNN				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
02	1070072				0	Phạm Xuân Danh			7-11, DNN					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
03	1070072				0	Phạm Xuân Danh		7-11, D3						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
04	1070072				0	Phạm Hoàng Trung		1-5, D3						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
05	1070072				0	Phạm Hoàng Trung	1-5, D3							30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
	1020040	Hình họa 2	FAD2051	2	51														
01	1020040				17	Nguyễn Minh Thùy	7-11, B	7-11, B	7-11, B					16/03/2020	03/05/2020				2019
02	1020040				17	Lê Thị Lan				7-11, B	7-11, B	7-11, B		16/03/2020	03/05/2020				2019
03	1020040				17	Nguyễn Minh Thùy				7-11, B	7-11, B	7-11, B		16/03/2020	03/05/2020				2019
	1170054	Hình họa 2	GRD2049	2	140														
01	1170054				14	Nguyễn Thị Mỹ	7-8, B	7-8, B	7-8, B					30/12/2019	15/03/2020				2019
02	1170054				14	Trần Thanh Tùng	7-8, B	7-8, B	7-8, B					30/12/2019	15/03/2020				2019
03	1170054				14	Phạm Minh Phong	7-8, B	7-8, B	7-8, B					30/12/2019	15/03/2020				2019
04	1170054				14	Nguyễn Hải Kiên	7-8, B	7-8, B	7-8, B					30/12/2019	15/03/2020				2019
05	1170054				14	Vũ Xuân Hiền				7-8, B	7-8, B	7-8, B		30/12/2019	15/03/2020				2019
06	1170054				14	Trần Thanh Tùng				7-8, B	7-8, B	7-8, B		30/12/2019	15/03/2020				2019
07	1170054				14	Nguyễn Hồng Sơn				7-8, B	7-8, B	7-8, B		30/12/2019	15/03/2020				2019
08	1170054				14	Nguyễn Hải Kiên	9-10, B	9-10, B	9-10, B					06/01/2020	15/03/2020				2019
09	1170054				14	Trần Thanh Tùng	9-10, B	9-10, B	9-10, B					06/01/2020	15/03/2020				2019
10	1170054				14	Ng.Duy Quốc Tuấn	9-10, B	9-10, B	9-10, B					06/01/2020	15/03/2020				2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
	1060032	Hình họa 2	FAE2048	2	39												2_SPMT_M4		
01	1060032				13	Nguyễn Quang Hải	1-5, B201	1-5, B201	1-5, B201					30/12/2019	08/03/2020	K14 MT K6 HH			2019
02	1060032				13	Nguyễn Tú Anh	1-5, B202	1-5, B202	1-5, B202					30/12/2019	08/03/2020	K14 MT K6 HH			2019
03	1060032				13	Nguyễn Văn Cường	1-5, B203	1-5, B203	1-5, B203					30/12/2019	08/03/2020	K14 MT K6 HH			2019
	1090004	Hình họa 3	BFA2015	2	14												BFA2015		
01	1090004				14											T_MT-Th ai bình		T_M T-Th ai bình	2018
	1020042	Hình họa 4	FAD2053	2	75														
01	1020042				15	Phạm Viết Minh Tri	7-11, B	7-11, B	7-11, B					30/12/2019	23/02/2020				2018
02	1020042				15	Ngô Văn Sơn	7-11, B	7-11, B	7-11, B					30/12/2019	23/02/2020				2018
03	1020042				15	Trương Tuấn Anh	7-11, B	7-11, B	7-11, B					30/12/2019	23/02/2020				2018
04	1020042				15	Tô Kim Nhung				7-11, B	7-11, B	7-11, B		30/12/2019	23/02/2020				2018
05	1020042				15	Ngô Văn Sơn				7-11, B	7-11, B	7-11, B		30/12/2019	23/02/2020				2018
	1060004	Hình họa 4	FAE2050	2	51												2018		
01	1060004				14	Nguyễn Quang Hải	7-11, B201	7-11, B201	7-11, B201					30/12/2019	08/03/2020	K 13 MT + K5 HH			2018
02	1060004				14	Lê Thị Kim Liên	7-11, B202	7-11, B202	7-11, B202					30/12/2019	08/03/2020	K 13 MT + K5 HH			2018
03	1060004				14	Nguyễn Văn Cường	7-11, B203	7-11, B203	7-11, B203					30/12/2019	08/03/2020	K 13 MT + K5 HH			2018
04	1060004				9	Nguyễn Quang Hải							1-5, BC					K1 SPM T	2019
	1090046	Hình họa 4	BFA2016	2	14												BFA2016		
01	1090046				14											T_MT-Th ai bình		T_M T-Th ai bình	2018
	1060036	Hình họa 6	FAE2002	2	110												6* FAE2002		
01	1060036				13	Nguyễn Huy Trung				7-11, B201	7-11, B201	7-11, B201		06/01/2020	15/03/2020				2017
02	1060036				13	Nguyễn Thị May				7-11, B202	7-11, B202	7-11, B202		06/01/2020	15/03/2020				2017
03	1060036				14	Nguyễn Huy Trung							1-5, BC					K11 LT	2019
04	1060036				14	Lê Thị Kim Liên							1-5, BC						2019
05	1060036				14	Phan Văn Hùng							1-5, BC						2019
06	1060036				14	Nguyễn Huy Trung							1-5, BC						2019
07	1060036				14	Lê Thị Kim Liên							1-5, BC						2019
08	1060036				14	Phan Văn Hùng							1-5, BC						2019
	1060037	Hình họa 7	FAE2003	3	1												7* FAE2003		
07	1060037				1	Nguyễn Huy Trung							1-5, LR			Lop riêng			2016
	1020026	Hình họa chuyên ngành 1	FAD2020	2	1														
07	1020026				1	Trương Tuấn Anh							7-11, LR			Lop riêng			2016
	1170013	Hình họa chuyên ngành 1	GRD2008	4	1												5_TKDH_M3		
10	1170013				1	Nguyễn Hải Kiên													2015
	1020002	Hình họa chuyên ngành 2	FAD2021	2	61														
01	1020002				15	Tô Kim Nhung	7-11, B	7-11, B	7-11, B					06/01/2020	08/03/2020				2017
02	1020002				15	Trần Thị Liên	7-11, B	7-11, B	7-11, B					06/01/2020	08/03/2020				2017
03	1020002				15	Vũ Thanh Nghị				7-11, B	7-11, B	7-11, B		02/01/2020	08/03/2020				2017
04	1020002				15	Phạm Viết Minh Tri				7-11, B	7-11, B	7-11, B		02/01/2020	08/03/2020				2017
05	1020002				1	Tô Kim Nhung							7-11, LR			Lop riêng			2016

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
	1170014	Hình họa chuyên ngành 2	GRD2009	4	121												6_TKDH_M3		
01	1170014				12	Nguyễn Xuân Tâm	7-8, A	7-8, A	7-8, A					30/12/2019	15/03/2020				2017
02	1170014				12	Vũ Xuân Hiền	7-8, A	7-8, A	7-8, A					30/12/2019	15/03/2020				2017
03	1170014				12	Nguyễn Hữu Dũng	7-8, A	7-8, A	7-8, A					30/12/2019	15/03/2020				2017
04	1170014				12	Ng.Duy Quốc Tuấn	7-8, A	7-8, A	7-8, A					30/12/2019	15/03/2020				2017
05	1170014				12	Lê Đức Cường				7-8, A	7-8, A	7-8, A		30/12/2019	15/03/2020				2017
06	1170014				12	Nguyễn Hải Kiên				7-8, A	7-8, A	7-8, A		30/12/2019	15/03/2020				2017
07	1170014				12	Ng.Duy Quốc Tuấn				7-8, A	7-8, A	7-8, A		30/12/2019	15/03/2020				2017
08	1170014				12	Lê Đức Cường	9-10, A	9-10, A	9-10, A					06/01/2020	15/03/2020				2017
09	1170014				12	Vũ Xuân Hiền	9-10, A	9-10, A	9-10, A					06/01/2020	15/03/2020				2017
10	1170014				12	Nguyễn Hữu Dũng	9-10, A	9-10, A	9-10, A					06/01/2020	15/03/2020				2017
11	1170014				1	Vũ Xuân Hiền							1-5, LR			Lop riêng			2016
	1170007	Hình họa màu nước	GRD2001	2	130												Hình họa nghiên cứu màu nước		
01	1170007				13	Nguyễn Xuân Tâm	1-2, A	1-2, A	1-2, A					30/12/2019	15/03/2020				2018
02	1170007				13	Nguyễn Hữu Dũng	1-2, A	1-2, A	1-2, A					30/12/2019	15/03/2020				2018
03	1170007				13	Vũ Xuân Hiền	1-2, A	1-2, A	1-2, A					30/12/2019	15/03/2020				2018
04	1170007				13	Nguyễn Hồng Sơn	1-2, A	1-2, A	1-2, A					30/12/2019	15/03/2020				2018
05	1170007				13	Ng.Duy Quốc Tuấn				1-2, A	1-2, A	1-2, A		30/12/2019	15/03/2020				2018
06	1170007				13	Nguyễn Hải Kiên				1-2, A	1-2, A	1-2, A		30/12/2019	15/03/2020				2018
07	1170007				13	Trần Thanh Tùng				1-2, A	1-2, A	1-2, A		30/12/2019	15/03/2020				2018
08	1170007				13	Vũ Xuân Hiền	3-4, A	3-4, A	3-4, A					06/01/2020	15/03/2020				2018
09	1170007				13	Nguyễn Hữu Dũng	3-4, A	3-4, A	3-4, A					06/01/2020	15/03/2020				2018
10	1170007				13	Ng.Duy Quốc Tuấn	3-4, A	3-4, A	3-4, A					06/01/2020	15/03/2020				2018
	1170019	Hình họa nghiên cứu hình thể tĩnh	GRD2014	3	1												Hình họa nghiên cứu vật thể tĩnh		
13	1170019				1	Ng.Duy Quốc Tuấn							1-5, LR			Lop riêng			2016
	1080094	Hình thể 2 (Kỹ thuật thể hiện)	CLM2060	3	29												DVK		
01	1080094				29	Kiều Minh Hiếu		1-5, NA402						30/12/2019					2019
	1090118	Hòa tấu	MUS2063	2	2														
01	1090118				1	.										hung yen			2018
02	1090118				1														2018
	1190018	Hòa tấu 1.2	PIA2011	1															
01	1190018				0	Trần Hà Mi			1-2, D					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
02	1190018				0	Nguyễn Hiền Đức						7-11, D4		30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
03	1190018				0	Phạm Hồng Phương			2-6, D4					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
04	1190018				0	Phạm Hồng Phương			7-11, D4					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
05	1190018				0	Phạm Hoàng Lê			7-11, C309					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
06	1190018				0	Bá Sán			2-6, C309					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
07	1190018				0	Vũ Ngọc Sơn						2-6, C309		30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
	1190020	Hòa tấu 2.2	PIA2012	1	10														
02	1190020				0	Đinh Thu Hương		7-12, NHVKVN						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
03	1190020				0	Bá Sán						2-6, D207		30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
04	1190020				0	Nguyễn Thị Hiền Anh				3-6, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
05	1190020				0	Nguyễn Hiền Đức					3-6, d4			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
06	1190020				1	Trần Hà Mi			1-2, D					30/12/2019					2018
07	1190020				3	Phạm Hồng Phương						7-11, C308							2017

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
08	1190020				3														2017
09	1190020				3														2017
	1190021	Hòa tấu 3.1	PIA2013	1	1														
05	1190021				1	Đinh Thu Hương						7-8, D		30/12/2019					2017
	1190022	Hòa tấu 3.2	PIA2013	1	1														
05	1190022				0	Nguyễn Thị Hiền Anh		3-6, D4						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2016
06	1190022				0	Đinh Thu Hương						7-11, C308		30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
07	1190022				0	Vũ Ngọc Sơn						8-12, C309		30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
08	1190022				0	Nguyễn Hiền Đức						7-11, C308		30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
09	1190022				0	Phạm Hồng Phương					7-11, C310			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
10	1190022				1	Nguyễn Thị Hiền Anh					1-2, D			30/12/2019					2017
	1190023	Hòa tấu 4.1	PIA2014	1	5														
06	1190023				1	Nguyễn Thị Hiền Anh			1-2, D					30/12/2019		HLai			2016
07	1190023				1	Trần Hà Mi			1-2, D					30/12/2019		HLai			2016
08	1190023				1	Đinh Thu Hương						7-8, D		30/12/2019		HLai			2016
09	1190023				1	Nguyễn Thị Hiền Anh					1-2, D			30/12/2019					2016
10	1190023				1	Vũ Ngọc Sơn						1-2, D		30/12/2019		HLai			2016
	1190024	Hòa tấu 4.2	PIA2014	1															
01	1190024				0	Nguyễn Thị Hiền Anh			2-6, D4					30/12/2019		ko DK			2016
02	1190024				0	Nguyễn Hiền Đức					2-6, D4			30/12/2019		ko DK			2016
03	1190024				0	Đinh Công Hải	7-11, D201							30/12/2019		ko DK			2016
04	1190024				0	Nguyễn Thị Hiền Anh				2-6, D4				30/12/2019		ko DK			2016
05	1190024				0	Đinh Thu Hương				1-2, D				30/12/2019		ko DK			2016
	1070117	Hòa thanh 2	MUS2023	2	161												4*MUS2023_2014		
01	1070117				40	Nguyễn Khải	7-11, D304							30/12/2019	22/03/2020				2018
02	1070117				40	Nguyễn Khải					1-5, DNN			30/12/2019	22/03/2020				2018
03	1070117				40	Phạm Thu Hường		7-11, D304						30/12/2019	22/03/2020				2018
04	1070117				40	Phạm Thu Hường				1-5, DNN				30/12/2019	22/03/2020				2018
06	1070117				1	Nguyễn Hồng Trang							1-5, LT						2019
	1190025	Hòa thanh trên đàn 1	PIA2015	2	25														
01	1190025				25	Nguyễn Đức Linh			1-5, D4					03/02/2020	12/04/2020				2018
	1070062	Hoạt động ngoài giờ lên lớp	MUS2033	2	150												6*MUS2033		
01	1070062				25		7-11, D1							30/12/2019	26/04/2020	SP +MN HUy			2017
02	1070062				25	Đoàn Thị Thu Hà		1-5, D1						30/12/2019	26/04/2020	SP +MN			2017
03	1070062				25	Đoàn Thị Thu Hà		7-11, D1						30/12/2019	26/04/2020	SP +MN			2017
04	1070062				25				7-11, D1					30/12/2019	26/04/2020	SP +MN Huy			2017
05	1070062				25	Đoàn Thị Thu Hà					7-11, D1			30/12/2019	26/04/2020	SP +MN			2017
06	1070062				25	Nguyễn Thị Lệ Huyền				7-11, D1				30/12/2019	26/04/2020	SP +MN			2017
	1070012	Hợp xướng 2	MUS2081	2	1												2019		
01	1070012				1	Lê Vinh Hưng							1-5, LT						2019
	1080039	Huy động tài trợ	CLM2040	2	45												6_QLVH_M4_TC		
01	1080039				45	Ng.Thị Thanh Mai				7-11, E502				30/12/2019	19/04/2020				2017
	1060056	In độc bản	FAE2017	2	48												1*FAE2017		
01	1060056				13	Hoàng Đức Dũng				1-5, B104	1-5, B104	1-5, B104		06/01/2020	15/03/2020				2017
02	1060056				13	Nguyễn Quang Minh				1-5, B105	1-5, B105	1-5, B105		06/01/2020	15/03/2020				2017
03	1060056				11	Nguyễn Thị May					7-11, B102	7-11, B102	7-11, B102	06/01/2020	15/03/2020	K10 LT MT			2018

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
04	1060056				11	Nguyễn Hoàng Tùng					7-11, B103	7-11, B103	7-11, B103	06/01/2020	15/03/2020	K10 LT MT			2018
	1090080	In độc bản	FAE2017	2	14												FAE2017		
01	1090080				14											T_MT-Th ai binh		T_M T-Th ai binh	2018
	1070101	Keyboard/Guitar 3	*MUS2087	1	4												2019		
05	1070101				1	Đào Văn Thực							1-5, BS						2019
06	1070101				1	Ngô Thị Việt Anh							1-5, BS						2019
07	1070101				1	Lương Đức Giang							1-5, BS						2019
08	1070101				1	Đào văn Kiên							1-5, BS						2019
	1080013	Khoa học quản lý và Quản lý văn hóa	CLM2011	3	84												2_QLVH_M3		
01	1080013				42	Bùi Hồng Hạnh			1-5, E503					30/12/2019	19/04/2020				2019
02	1080013				42	Bùi Hồng Hạnh			7-11, E501					30/12/2019	19/04/2020				2019
	1080054	Khóa luận tốt nghiệp	CLM2050	10	1														
01	1080054				1	Nguyễn Minh Hạnh							1-5, KL	04/05/2020					2016
	1060090	Khóa luận tốt nghiệp (HP tốt nghiệp)	FAE2023	6	1														
01	1060090				1														2016
	1070082	Khóa luận tốt nghiệp (HP tốt nghiệp)	MUS2048	10	1														
02	1070082				1								1-5, KLTN			KLTN			2016
	1130012	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	POL2010	2	606												2 2019		
01	1130012				55	Nguyễn Thị Huyền	1-5, E405							06/01/2020					2019
02	1130012				55	Nguyễn Thị Huyền	7-11, E301							06/01/2020					2019
03	1130012				55	Nguyễn Thị Huyền			1-5, E101					06/01/2020					2019
04	1130012				55	Nguyễn Thị Huyền			7-11, E301					06/01/2020					2019
05	1130012				55	Nguyễn Thị Huyền					1-5, E301			06/01/2020					2019
06	1130012				55	Nguyễn Thị Huyền					7-11, E101			06/01/2020					2019
07	1130012				55			1-5, E101						06/01/2020					2019
08	1130012				55									06/01/2020					2019
09	1130012				55	Trịnh Anh Tuấn				1-5, E101				06/01/2020					2019
10	1130012				55	Trịnh Anh Tuấn		7-11, E301						06/01/2020					2019
11	1130012				55	Trịnh Anh Tuấn				7-11, E301				06/01/2020					2019
12	1130012				1	Nguyễn Thị Huyền							1-5, TC			Lop TC			2019
	1090124	Ký họa	FAE2027	2	14														
01	1090124				14											T_MT-Th ai binh		T_M T-Th ai binh	2018
	1170021	Ký họa	GRD2016	2	140												_TKDH_M3_T C		
01	1170021				14	Nguyễn Hồng Sơn		1-4, E605						30/03/2020	17/05/2020				2019
02	1170021				14	Vũ Xuân Hiền		1-4, E605						30/03/2020	17/05/2020				2019
03	1170021				14	Nguyễn Thị Mỹ		1-4, E605						30/03/2020	17/05/2020				2019
04	1170021				14	Trần Thanh Tùng		1-4, E605						30/03/2020	17/05/2020				2019
05	1170021				14	Ng.Duy Quốc Tuấn			1-4, E605					30/03/2020	17/05/2020				2019
06	1170021				14	Quách Thị Ngọc An			1-4, E605					30/03/2020	17/05/2020				2019
07	1170021				14	Nguyễn Hữu Dũng			1-4, E605					30/03/2020	17/05/2020				2019
08	1170021				14	Trần Thanh Tùng				1-4, E605				30/03/2020	17/05/2020				2019
09	1170021				14	Nguyễn Xuân Tâm				1-4, E605				30/03/2020	17/05/2020				2019
10	1170021				14	Nguyễn Hải Kiên				1-4, E605				30/03/2020	17/05/2020				2019
	1060053	Ký họa	FAE2027	2	122												1* SPMT_M4		

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
	1060053	Kỹ năng	FAE2027	2	132												TC		
01	1060053				12	Nguyễn Quang Hải	1-5, B201	1-5, B201	1-5, B201					09/03/2020		K14 MT K6 HH			2019
02	1060053				12	Nguyễn Huy Trung	1-5, B202	1-5, B202	1-5, B202					09/03/2020		K14 MT K6 HH			2019
03	1060053				12	Lê Thị Kim Liên	1-5, B203	1-5, B203	1-5, B203					09/03/2020		K14 MT K6 HH			2019
04	1060053				16	Nguyễn Thị May						1-5, BC				K11 Hung Mo			2019
05	1060053				16	Nguyễn Huy Trung						1-5, BC				K11 Hung Mo			2019
06	1060053				16	Lê Thị Kim Liên						1-5, BC				K11 Hung Mo			2019
07	1060053				16	Nguyễn Quang Hải						1-5, BC				K11 Hung Mo			2019
08	1060053				16	Nguyễn Văn Cường						1-5, BC				K11 Hung Mo			2019
09	1060053				16	Phan Văn Hùng						1-5, BC				K11 Hung Mo			2019
	1140030	Kỹ năng giao tiếp	PPE2022	2	8												1*		
01	1140030				8	Đỗ Ánh Tuyết				7-11, E503				30/12/2019	08/03/2020				2017
	1080097	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 2	CLM2063	3	29														
01	1080097				29	Trần Hoàng					1-5, NA402			30/12/2019					2019
	1080099	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 4	CLM2065	3	18														
01	1080099				18	Trần Hoàng				7-11, NA402				30/12/2019					2018
	1080101	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 6	CLM2067	3	23														
01	1080101				23	Trần Hoàng				1-5, NA402				30/12/2019					2017
	1080103	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 8	CLM2069	3	11														
01	1080103				11	Nguyễn Tuấn Anh			7-11, NA402					30/12/2019					2016
	1100046	Kỹ thuật diễn viên	VMU2010	2	60												4_TN_M4		
01	1100046				30	Trần Mai Tuyết		7-11, D404						30/12/2019					2018
02	1100046				30	Trần Mai Tuyết				7-11, D204				30/12/2019					2018
	1200037	Kỹ thuật dựng rạp 3D trên manocanh	DGI2037	3	16														
01	1200037				16	Nguyễn Bích Nhung				7-11, E703				06/01/2020	05/04/2020				2017
	1070015	Kỹ xướng âm 2	MUS2018	2	272												2* Dùng chung		
01	1070015				17	Mai Linh Chi			1-5, D304					30/12/2019	12/04/2020				2019
02	1070015				17	Trần Thị Thanh Hương						7-11, D304		30/12/2019	12/04/2020				2019
03	1070015				17	Ng. Thị Thu Trang					7-11, D304			30/12/2019	12/04/2020				2019
04	1070015				17	Mai Linh Chi	1-5, D404							30/12/2019	12/04/2020				2019
05	1070015				17					1-5, D204				30/12/2019	12/04/2020	Huy			2019
06	1070015				17						1-5, D204			30/12/2019	12/04/2020	Huy			2019
07	1070015				17	Phạm Thu Hường				7-11, D304				30/12/2019	12/04/2020				2019
08	1070015				17	Nguyễn Đức Linh		1-5, D406						30/12/2019	12/04/2020				2019
09	1070015				17	Nguyễn Hồng Trang				7-11, D404				30/12/2019	12/04/2020				2019
10	1070015				17	Nguyễn Thành Vinh	7-11, D204							30/12/2019	12/04/2020				2019
11	1070015				17	Nguyễn Thành Vinh		1-5, D404						30/12/2019	12/04/2020				2019
12	1070015				17	Phạm Xuân Cảnh		7-11, D204						30/12/2019	12/04/2020				2019
13	1070015				17				1-5, D404					30/12/2019	12/04/2020	Huy			2019
14	1070015				17	Nguyễn Thị Lệ Huyền			7-11, D204					30/12/2019	12/04/2020				2019
15	1070015				17	Vũ Thị Kim Thu					7-11, D204			30/12/2019	12/04/2020				2019
16	1070015				17	Vũ Thị Kim Thu						1-5, D404		30/12/2019	12/04/2020				2019
	1070026	Kỹ xướng âm 4	MUS2020	2	284												4* MUS2020		

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
01	1070026				17	Phạm Xuân Cảnh						1-5, D305		30/12/2019	12/04/2020				2018
02	1070026				17	Nguyễn Đức Linh						1-5, D304		30/12/2019	12/04/2020				2018
03	1070026				17	Nguyễn Đức Linh					7-11, D404			30/12/2019	12/04/2020				2018
04	1070026				17	Nguyễn Hồng Trang	1-5, D204							30/12/2019	12/04/2020				2018
05	1070026				17	Nguyễn Hồng Trang			1-5, D204					30/12/2019	12/04/2020				2018
06	1070026				17	Phạm Xuân Cảnh						7-11, D304		30/12/2019	12/04/2020	Huy			2018
07	1070026				17									30/12/2019	12/04/2020				2018
08	1070026				17	Khuất Duy Nhã						7-11, D204		30/12/2019	12/04/2020				2018
09	1070026				17	Vũ Thị Kim Thu		7-11, D406						30/12/2019	12/04/2020				2018
10	1070026				17	Vũ Thị Kim Thu					1-5, D404			30/12/2019	12/04/2020				2018
11	1070026				17	Nguyễn Thành Vinh			7-11, D406					30/12/2019	12/04/2020				2018
12	1070026				17			1-5, D204						30/12/2019	12/04/2020	Huy			2018
13	1070026				40	Phạm Xuân Cảnh							1-5, BSLT			BS liên thông muộn			2019
14	1070026				40	Nguyễn Đức Linh							1-5, BSLT			BS liên thông muộn			2019
	1090044	Kỹ xướng âm 5	MUS2021	2	1												MUS2021		
03	1090044				1	.										thai bình			2019
	1100095	Lịch sử & phương pháp sư phạm Thanh nhạc	VMU2022	3	64												2017		
01	1100095				32			2-6, E306						30/12/2019		Huy			2019
02	1100095				32	Trần Mai Tuyết				2-6, D404				30/12/2019					2019
	1070104	Lịch sử âm nhạc thế giới 2	MUS2061	2	200												2018		
02	1070104				40	Nghiêm Hồng Hà	7-11, D305							30/12/2019	22/03/2020				2018
03	1070104				40	Nghiêm Hồng Hà			1-5, DNN					30/12/2019	22/03/2020				2018
04	1070104				40	Trần Thị Thanh Hương			7-11, D304					30/12/2019	22/03/2020				2018
05	1070104				40	Trần Thị Thanh Hương				7-11, D305				30/12/2019	22/03/2020				2018
06	1070104				40	Đoàn Thị Thu Hà							7-11, K11CDTC	30/12/2019	22/03/2020	Lop K11 CD TC			2019
	1080089	Lịch sử Điện ảnh Thế giới và Việt Nam	CLM2058	3	1												DVK		
02	1080089				1	Ng.Thuý Hường							3-4, LR			Lop riêng			2017
	1170012	Lịch sử Mỹ thuật ứng dụng	GRD2007	2	120												6_TKDH_M3		
01	1170012				40	Quách Thị Ngọc An		1-5, E602						17/02/2020	29/03/2020				2017
02	1170012				40									17/02/2020	29/03/2020	Huy			2017
03	1170012				40	Quách Thị Ngọc An					7-11, E603			17/02/2020	29/03/2020				2017
	1060029	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam	FAE2080	2	26												6_SPMT_M4		
01	1060029				26	Đào Thị Thuý Anh			7-11, E505					06/01/2020					2017
	1190033	Lịch sử nghệ thuật Piano	PIA2001	2	25														
01	1190033				25	Đỗ Thanh Nhân					4-6, D4			03/02/2020	12/04/2020				2017
	1060024	Lịch sử nghệ thuật tạo hình Thế giới và Việt nam	FAE2067	2	24												5_SPMT_M3_TC		
01	1060024				23	Nguyễn Minh Tân				7-11, E403				06/01/2020					2017
02	1060024				1	Nguyễn Minh Tân							1-5, LR			Lop riêng			2017
	1100045	Lịch sử nghệ thuật Thanh nhạc	VMU2008	2	1												4_TN_M4		
01	1100045				1	Trần Mai Tuyết							1-5, LR			Lop riêng			2016
	1080084	Lịch sử sân khấu Thế giới và Việt Nam	CLM2057	3	18														
01	1080084				18	Ng.Thuý Hường			1-5, NA402					30/12/2019					2018
	1020025	Lịch sử trang phục Việt Nam và thế giới	FAD2017	2	80														
01	1020025				40	Lê Phương Anh						1-5, E		06/01/2020	29/02/2020				2018

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
02	1020025				40	Lê Mai Trinh						1-5, E		06/01/2020	29/02/2020				2018
	1130005	Lịch sử triết học 1	POL2005	2	6												5* 6_TKDH_TC		
01	1130005				6	Đình Văn Hoàng				7-11, E506				09/03/2020		K5 HH			2018
	1080121	Lịch sử văn học thế giới và Việt Nam	CLM2084	3	3														
02	1080121				1	Ng.Thuý Hường							3-4, LR			Lop riêng			2017
03	1080121				1														2017
04	1080121				1														2017
	1080008	Lịch sử văn minh thế giới	CLM2004	2	76												1_QLVH_M2_TC		
02	1080008				38	Vũ Thị Thái Hoa	7-11, E403							06/01/2020					2018
03	1080008				38									06/01/2020		Huy			2018
	1090005	Luật xa gần	BFA2009	2	14												BFA2009		
01	1090005				14											T_MT-Th ai binh		T_M T-Th ai binh	2018
	1090105	Lý luận văn hóa	CLM2059	3	24												CLM2059		
02	1090105				24													TC_QLV H- Ng he an	2019
	1080049	Lý luận văn hóa (Tốt nghiệp)	CLM2051	5	47												8_QLVH_M5		
01	1080049				47								3-4, TN	04/05/2020					2016
	1080056	Lý luận văn hóa (Tốt nghiệp)	CLM2184	3	3												lien thong		
01	1080056				3								3-4, TN	04/05/2020		K7 LT			2018
	1070013	Lý thuyết Âm nhạc 2	MUS2009	2	240												2*MUS2009		
01	1070013				40	Ng.Thị Thu Trang		1-5, D304						30/12/2019	22/03/2020				2019
02	1070013				40	Ng.Thị Thu Trang		7-11, D305						30/12/2019	22/03/2020				2019
03	1070013				40	Nguyễn Thị Phương Mai				1-5, D304				30/12/2019	22/03/2020				2019
04	1070013				40	Trần Thị Thanh Hương				1-5, D305				30/12/2019	22/03/2020				2019
05	1070013				40	Mai Linh Chi					1-5, D304			30/12/2019	22/03/2020				2019
06	1070013				40	Mai Linh Chi					7-11, D305			30/12/2019	22/03/2020				2019
	1070126	Lý thuyết Âm nhạc mầm non (HP tốt nghiệp)	MUS2051	5	11														
01	1070126				10								1-2, TN	26/04/2020					2016
02	1070126				1														2016
	1070081	Lý thuyết Âm nhạc tổng hợp (HP tốt nghiệp)	MUS2049	5	142														
01	1070081				125								1-2, TN	26/04/2020					2016
02	1070081				16								3-4, TN	04/05/2020					2018
03	1070081				1								1-2, LT						2016
	1070113	Lý thuyết âm nhạc tổng hợp (HP tốt nghiệp)	MUS2053	3	1												SP CD		
01	1070113				1								1-5, TN CD						2015
	1060095	Lý thuyết Mỹ thuật Mầm non (HP tốt nghiệp)	FAE2035	6	5												SPMT MN		
01	1060095				5								1-2, B						2016
	1060010	Lý thuyết Mỹ thuật TH (HP tốt nghiệp)	FAE2023	5	22												2018		
01	1060010				22								1-2, B			K10 LT MT			2018
	1060069	Lý thuyết Mỹ thuật tổng hợp (HP tốt nghiệp)	FAE2023	6	30												8_SPMT_M6		
01	1060069				30								1-2, B						2016
	1020003	Marketing thời trang	FAD2013	2	55														

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
01	1020003				55	Lê Phương Anh		1-5, E						30/12/2019	23/02/2020				2017
	1080034	Marketing văn hóa nghệ thuật	CLM2035	2	1												7_QLVH_M4		
03	1080034				1	Tráng Thị Thuý							1-5, LR			Lop riêng			2016
	1090097	Marketing văn hóa nghệ thuật	CLM2035	2	1												CLM2035		
02	1090097				1	..										Nghe an			2019
	1070002	Múa	*MUS2011	3													MUS2011		
01	1070002				0	Ng.Th.Quỳnh Phương	1-5, E607							30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
02	1070002				0	Ng.Th.Quỳnh Phương	1-5, E607							30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
03	1070002				0	Ng.Th.Quỳnh Phương			7-11, E607					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
04	1070002				0	Ng.Th.Quỳnh Phương			7-11, E607					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
05	1070002				0	Ng.Th.Quỳnh Phương				7-11, E607				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
06	1070002				0	Ng.Th.Quỳnh Phương				7-11, E607				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
07	1070002				0	Phạm Ngọc Thùy		7-11, NA501						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
08	1070002				0	Phạm Ngọc Thùy		7-11, NA501						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
	1080051	Mỹ học	CLM2006	2	110												1_QLVH_M1		
01	1080051				55	Trần Vĩnh Khương					1-5, E502			30/12/2019	19/04/2020				2019
02	1080051				55	Trần Vĩnh Khương					7-11, E502			30/12/2019	19/04/2020				2019
	1060098	Mỹ học	FAE2072	2	76												2*		
05	1060098				38	Nguyễn Minh Tân			1-5, E505					06/01/2020		K12 TKTT			2018
06	1060098				38	Đào Thị Thuý Anh			1-5, E502					06/01/2020		K12 TKTT			2018
	1090054	Mỹ học	MUS2002	2	1												MUS2002		
03	1090054				1	.										thai bình			2019
	1060051	Mỹ thuật học	FAE2081	3	55												_SPMT_M4_TC		
01	1060051				55	Đào Thị Thuý Anh					7-11, E505			30/12/2019	05/04/2020	K 13 MT + K5 HH			2018
	1170024	Nghệ thuật chữ	GRD2019	2	120												4_TKDH_M4		
01	1170024				40	Phạm Hùng Cường		1-5, E603						24/02/2020	12/04/2020				2018
02	1170024				40	Ng.Hoài Phương Anh		7-11, E603						24/02/2020	12/04/2020				2018
03	1170024				40	Ng.Hoài Phương Anh					1-5, E603			24/02/2020	12/04/2020				2018
	1080042	Nghệ thuật diễn giảng và tổ chức HĐ tập thể	CLM2043	2	45												7_QLVH_M4_TC		
02	1080042				45	Ng.Thị Thanh Mai		7-11, E502						30/12/2019	19/04/2020				2018
	1090098	Nghệ thuật diễn giảng và tổ chức hoạt động tập thể	CLM2043	2	13												CLM2043		
02	1090098				13	..										Nghe an		TC_QLV H-Nghe an	2019
	1170022	Nghệ thuật nhiếp ảnh	GRD2017	2	135												4_TKDH_M4		
01	1170022				45	Nguyễn Văn Hiến		7-11, E605						30/12/2019	23/02/2020				2018
02	1170022				45	Nguyễn Quang Huy					7-11, E605			30/12/2019	23/02/2020				2018
03	1170022				45	Nguyễn Trần Thế Hiệp						7-11, E605		30/12/2019	23/02/2020				2018
	1060058	Nghệ thuật thiết kế	FAE2018	2	97												1*FAE2018		
01	1060058				16	Vũ Thị Kim Vân							13-17, BC			K11 Hung Mo			2019
02	1060058				16	Nguyễn Thị Hà Hoa							13-17, BC			K11 Hung Mo			2019
03	1060058				16	Nguyễn Thị Huyền							13-17, BC			K11 Hung Mo			2019
04	1060058				16	Nguyễn Quang Huy							13-17, BC			K11 Hung Mo			2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
05	1060058				16	Tạ Đình Thi							13-17, BC			K11 Hưng Mo			2019
06	1060058				16	Vũ Thị Kim Vân							13-17, BC			K11 Hưng Mo			2019
07	1060058				1	Tạ Đình Thi							13-17, BS TANH			BSSV T.Anh			2019
	1090092	Nghệ thuật thực hành (1/5)	CLM2024	4	1												CLM2024		
02	1090092				1	..										Nghe an			2019
	1060101	Nghệ thuật trang trí kiến trúc	FAE2091	2	96												2019		
01	1060101				16	Nguyễn Huy Trung						13-17, BC				K11 Hưng Mo			2019
02	1060101				16	Nguyễn Văn Cường						13-17, BC				K11 Hưng Mo			2019
03	1060101				16	Phan Văn Hùng						13-17, BC				K11 Hưng Mo			2019
04	1060101				16	Nguyễn Huy Trung						13-17, BC				K11 Hưng Mo			2019
05	1060101				16	Nguyễn Văn Cường						13-17, BC				K11 Hưng Mo			2019
06	1060101				16	Phan Văn Hùng						13-17, BC				K11 Hưng Mo			2019
	1060096	Nghiên cứu tác phẩm của các danh họa	FAE2046	2	1														
03	1060096				1	Vũ Thị Kim Vân							1-5, LR			Lop riêng			2016
	1170011	Nguyên lý thị giác	GRD2006	4	1												5_TKDH_M3		
04	1170011				1	Nguyễn Thành Sơn							1-5, LR			Lop riêng			2015
	1100006	Nhạc cụ 1	*IMU2001	1													2_span		
02	1100006				0	Lương Đức Giang	3-4, D101							30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
03	1100006				0	Ngô Thị Việt Anh	3-4, D108							30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
04	1100006				0	Bá Sản	9-10, D102							30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
05	1100006				0	Hà Tân Mùi	9-10, D107							30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
06	1100006				0	Lương Đức Giang	9-10, D101							30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
07	1100006				0	Đặng Thái Sơn		9-10, D108						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
08	1100006				0	Nguyễn Thị Thu Hương		9-10, C209						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
09	1100006				0	Ngô Thị Việt Anh			3-4, D103					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
10	1100006				0	Nguyễn Nguyệt Cầm			7-8, D					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
11	1100006				0	Đào Văn Thực				3-4, D108				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
12	1100006				0	Đoàn Anh Vũ				3-4, D102				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
13	1100006				0	Hà Tân Mùi				3-4, D107				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
14	1100006				0	Lương Diệu Ánh				9-10, D108				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
15	1100006				0	Vũ Ngọc Sơn				9-10, D208				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
16	1100006				0	Bùi Thị Diệu Minh				9-10, D107				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
17	1100006				0	Nguyễn Nguyệt Cầm		7-8, D						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
18	1100006				0	Trần Bích Thủy					9-10, D107			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
19	1100006				0	Lương Diệu Ánh					9-10, D102			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
20	1100006				0	Vũ Ngọc Sơn				12-13, D208				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
21	1100006				0	Nguyễn Thị Thu Hương						1-2, D101		30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
	1100002	Nhạc cụ 2	*IMU2002	1													4_SPAN_M4		
02	1100002				0	Bùi Thị Diệu Minh	3-4, D107							30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
03	1100002				0	Đoàn Anh Vũ	3-4, D102							30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
04	1100002				0	Bá Sản		3-4, D203						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
05	1100002				0	Đoàn Anh Vũ		3-4, D102						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
06	1100002				0	Trần Bích Thủy		9-10, D107						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
07	1100002				0	Phạm Hồng Phương	3-4, VPK							30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
08	1100002				0	Đào văn Kiên			9-10, D103					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
09	1100002				0	Nguyễn Thị Thu Hương				3-4, D103				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
10	1100002				0	Nguyễn Nguyệt Cầm		9-10, D101						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
11	1100002				0	Nguyễn Quang Tùng				9-10, C208				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
12	1100002				0	Lương Đức Giang				9-10, D103				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
13	1100002				0	Cù Minh Giang					9-10, C203			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
14	1100002				0	Hà Tân Mùi					9-10, C108			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
15	1100002				0	Nguyễn Thị Thu Hương						7-11, D101		30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
16	1100002				0	Bùi Thị Diệu Minh				1-5, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
17	1100002				0	Vũ Ngọc Sơn					7-8, D101			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
18	1100002				0	Đặng Thái Sơn				10-11, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
	1100074	Nhạc cụ 2	*IMU1012	1													SP CD		
01	1100074				0	Bùi Thị Diệu Minh					3-4, D107			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
	1100076	Nhạc cụ 3	*VMI2013	1													7_SPAN		
01	1100076				0	Bá Sắn		9-10, D203						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
02	1100076				0	Lương Đức Giang		9-10, D101						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
03	1100076				0	Lương Diệu Ánh			9-10, D203					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
04	1100076				0	Đặng Thái Sơn			9-10, D108					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
05	1100076				0	Trần Bích Thủy			9-10, D107					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
06	1100076				0	Nguyễn Nguyệt Cầm			9-10, D101					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
07	1100076				0	Nguyễn Quang Tùng			9-10, C208					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
08	1100076				0	Vũ Thanh Xuân			9-10, C209					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
09	1100076				0	Nguyễn Quang Tùng				9-10, D208				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
10	1100076				0	Bùi Thị Diệu Minh					3-4, D107			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
11	1100076				0	Hà Tân Mùi					3-4, D108			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
12	1100076				0	Lương Diệu Ánh					3-4, C210			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
13	1100076				0	Cù Minh Giang					3-4, D203			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
14	1100076				0	Đào Văn Thực		3-4, D107						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
15	1100076				0	Ngô Thị Việt Anh			13-17, NC					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
16	1100076				0	Đặng Thái Sơn			1-3, NC					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
17	1100076				0	Đào văn Kiên					9-10, D			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
18	1100076				0	Trần Bích Thủy					3-4, D107			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
19	1100076				0	Nguyễn Quang Tùng			12-13, d					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
	1090052	Nhạc cụ 4	VMI2041	1	2												VMI2041		
02	1090052				1	.										hung yen			2018
03	1090052				1														2018
	1070094	Nhạc cụ tự chọn	*MUS2064	2													2018		
01	1070094				0	Phạm Hồng Phương					1-5, Guita D103			30/12/2019		ko DK			2018
02	1070094				0	Phạm Hồng Phương					7-11, Guita D103			30/12/2019		ko DK			2018
03	1070094				0	Nguyễn Quang Tùng	1-5, D103 guita							30/12/2019		ko DK			2018
04	1070094				0	Nguyễn Quang Tùng	7-11, D103 guita							30/12/2019		ko DK			2018
05	1070094				0	Trần Quốc Thùy			1-5, D103 key					30/12/2019		ko DK			2018
06	1070094				0	Nguyễn Nguyệt Cầm			1-5, D					30/12/2019		ko DK			2018
07	1070094				0	Trần Thị Bích Hồng				1-5, D				30/12/2019		ko DK			2018
08	1070094				0	Nguyễn Thị Lệ Huyền	7-11, D101 Vio							30/12/2019		ko DK			2018
09	1070094				0	Nguyễn Đức Minh		1-5, C204						30/12/2019		ko DK			2018

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
09	1070094				0	Khuất Duy Nhâ		drum						30/12/2019		ko DK			2018
10	1070094				0	Khuất Duy Nhâ			7-11, C204 drum					30/12/2019		ko DK			2018
11	1070094				0	Khuất Duy Nhâ				7-11, C204 drum				30/12/2019		ko DK			2018
12	1070094				0	Vũ Thanh Xuân						1-5, D		30/12/2019		ko DK			2018
13	1070094				0	Nguyễn Thị Lệ Huyền	12-13, D101 Vio							30/12/2019		ko DK			2018
	1070048	Nhạc cụ tự chọn	MUS2082	1	4												2019 LT		
01	1070048				1	Nguyễn Thành Vinh							1-5, CDTCLT			CD TC LT K11, 3			2019
02	1070048				1	Khuất Duy Nhâ							1-5, CDTCLT			CD TC LT K11, 3			2019
03	1070048				1	Nguyễn Thành Vinh							1-5, CDTCLT			CD TC LT K11, 3			2019
04	1070048				1	Nguyễn Quang Tùng							1-5, CDTCLT			CD TC LT K11, 3			2019
	1020011	Nhập môn Design	FAD2002	2	1														
03	1020011				1	Vũ Thanh Nghị							7-11, LR			Lop riêng			2016
	1090062	Nhập môn phức điệu	MUS2015	2	1												MUS2015		
04	1090062				1	.										thai binh			2019
	1090003	Những NLCB của CN Mác-Lênin 1	POL2001	2	14												POL2001		
07	1090003				14											T MT-Th ai binh		T MT-Th ai binh	2018
	1090043	Những NLCB của CN Mác-Lênin 2	POL2002	3	14												POL2002		
06	1090043				14											T MT-Th ai binh		T MT-Th ai binh	2018
	1170032	Phần mềm Inlustrator	GRD2029	2	1														
15	1170032				1	Nguyễn Duy Hùng							1-5, LR			Lop riêng			2015
	1170033	Phần mềm Macromedia Flash	GRD2030	2	169												6_TKDH_M4_TC		
01	1170033				12	Nguyễn Duy Hùng	1-4, E406		1-4, E406					02/03/2020	05/04/2020				2016
02	1170033				12		1-4, E406		1-4, E406					02/03/2020	05/04/2020				2016
03	1170033				12	Nguyễn Thanh Huyền	1-4, E406		1-4, E406					02/03/2020	05/04/2020				2016
04	1170033				12	Nguyễn Xuân Giáp	1-4, E406		1-4, E406					02/03/2020	05/04/2020				2016
05	1170033				12	Lê Huy Thục	7-10, E406		7-10, E406					02/03/2020	05/04/2020				2016
06	1170033				12	Nguyễn Duy Hùng	7-10, E406		7-10, E406					02/03/2020	05/04/2020				2016
07	1170033				12	Trần Thanh Nga	7-10, E406		7-10, E406					02/03/2020	05/04/2020				2016
08	1170033				12	Nguyễn Xuân Giáp	7-10, E406		7-10, E406					02/03/2020	05/04/2020				2016
09	1170033				12	Nguyễn Duy Hùng				1-4, E406		1-4, E406		02/03/2020	05/04/2020				2016
10	1170033				12	Nguyễn Thanh Huyền				1-4, E406		1-4, E406		02/03/2020	05/04/2020				2016
11	1170033				12	Nguyễn Xuân Giáp				1-4, E406		1-4, E406		02/03/2020	05/04/2020				2016
12	1170033				12	Lê Huy Thục				7-10, E406		7-10, E406		02/03/2020	05/04/2020				2016
13	1170033				12	Nguyễn Duy Hùng				7-10, E406		7-10, E406		02/03/2020	05/04/2020				2016
14	1170033				12							7-10, E406		02/03/2020	05/04/2020	Huy			2016
15	1170033				1	Lê Huy Thục						1-5, LR				Lop riêng			2016
	1070027	Phân tích tác phẩm 1	MUS2024	2	200												4*MUS2024		
01	1070027				40	Phạm Thu Hường	7-11, D2							30/12/2019	22/03/2020	SP +MN			2018
02	1070027				40	Phạm Thu Hường			1-5, D2					30/12/2019	22/03/2020	SP +MN			2018
03	1070027				40	Phạm Thu Hường					7-11, D2			30/12/2019	22/03/2020	SP +MN			2018
04	1070027				40	Trần Thị Thanh Hương		1-5, D2						30/12/2019	22/03/2020	SP +MN			2018

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
05	1070027				40	Nguyễn Thành Vinh				1-5, D2				30/12/2019	22/03/2020	SP +MN			2018
	1090045	Phân tích tác phẩm 2	MUS2025	2	1												MUS2025		
05	1090045				1	.										thai binh			2019
	1070043	Phân tích tác phẩm 3	MUS2026	2	160												6*MUS2026		
01	1070043				40	Trần Thị Thanh Hương				1-5, D305				30/12/2019	08/03/2020				2017
02	1070043				40	Phạm Thu Hường	1-5, D305							30/12/2019	08/03/2020				2017
03	1070043				40	Phạm Thu Hường		1-5, D305						30/12/2019	08/03/2020				2017
04	1070043				40						1-5, D305			30/12/2019	08/03/2020	ghep K2 LT			2017
	1090063	Phân tích tác phẩm 3	MUS2026	2	2												MUS2026		
02	1090063				1	.										hung yen			2018
03	1090063				1														2018
	1080124	Phân tích tác phẩm văn học (Kịch - điện ảnh)	CLM2085	3	25														
01	1080124				23	Hà Thị Thu Hà		7-11, NA402						30/12/2019					2017
02	1080124				1	Ng.Thuý Hường							1-5, LR			Lop riêng			2017
03	1080124				1														2017
	1130007	Pháp luật đại cương	POL2007	2	241												1* Chung DH&CD		
13	1130007				40	Lê Thị Nguyên		7-11, E101						06/01/2020					2019
14	1130007				40	Lê Thị Nguyên				7-11, E101				06/01/2020					2019
15	1130007				40	Lê Thị Nguyên					7-11, D405			06/01/2020					2019
16	1130007				40	Phạm Thị Thu Hà	1-5, E101							06/01/2020					2019
17	1130007				40	Phạm Thị Thu Hà		1-5, E506						06/01/2020					2019
18	1130007				40	Phạm Thị Thu Hà			1-5, E506					06/01/2020					2019
19	1130007				1	Phạm Thị Thu Hà							1-5, LR			Lop riêng			2015
	1090143	Phát triển văn hóa cộng đồng	CLM2044	2	13														
01	1090143				13	..										Nghe an		TC_QLV H-Nghe an	2019
	1080043	Phát triển văn hóa cộng đồng	CLM2044	2	45												6_QLVH_M4_TC		
01	1080043				45	Nông Thị Thanh Thuý		7-11, E405						30/12/2019	05/04/2020				2017
	1070041	Phối hợp xướng	MUS2013	2	125												5*MUS2013		
01	1070041				25			7-11, DNN						30/12/2019	22/03/2020	Huy			2017
02	1070041				25	Lê Vinh Hưng					7-11, D3			30/12/2019	22/03/2020	ghep K10 + K2 LT			2017
03	1070041				25	Phạm Xuân Danh	7-11, D3							30/12/2019	22/03/2020				2017
04	1070041				25	Phạm Xuân Danh			1-5, D3					30/12/2019	22/03/2020				2017
05	1070041				25	Phạm Xuân Danh				1-5, D3				30/12/2019	22/03/2020				2017
	1090093	Phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật	CLM2029	4	13												CLM2029		
01	1090093				13	..										Nghe an		TC_QLV H-Nghe an	2019
	1070032	Phương pháp dạy học âm nhạc 1	MUS2031	2	160												4*MUS2031		
02	1070032				40	Đoàn Thị Thu Hà	1-5, D1							30/12/2019	29/03/2020	SP +MN			2018
03	1070032				40	Đoàn Thị Thu Hà			1-5, D1					30/12/2019	29/03/2020	SP +MN			2018
04	1070032				40	Đoàn Thị Thu Hà				7-11, D2				30/12/2019	29/03/2020	SP +MN VA giu			2018
05	1070032				40	Nguyễn Thị Lệ Huyền					1-5, D1			30/12/2019	29/03/2020	SP +MN			2018
	1070073	Phương pháp dạy học âm nhạc 2	MUS2065	3	50												2018		

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
01	1070073				25	Đoàn Thị Thu Hà							1-5, BS			BS LT			2019
02	1070073				25	Nguyễn Thị Lệ Huyền							1-5, BS			BS LT			2019
	1060014	Phương pháp dạy học Mỹ thuật 2	FAE2069	3	50												2018		
01	1060014				50	Trần Thị Vân				7-11, E505				30/12/2019	05/04/2020	K 13 MT			2018
	1060108	Phương pháp dạy học Mỹ thuật 2	FAE2095	2													2019		
01	1060108				0	Trần Thị Vân						7-11, BC							2019
02	1060108				0	Đào Thị Thuý Anh						7-11, BC							2019
	1060027	Phương pháp dạy học Mỹ thuật 2	FAE2069	2	94												8_SPMT_M3_T C		
01	1060027				47	Trần Thị Vân						7-11, BC				K11 Hung mo			2019
02	1060027				47	Đào Thị Thuý Anh						7-11, BC				K11 Hung mo			2019
	1140024	Phương pháp đọc diễn cảm	PPE2021	2	10												1*		
01	1140024				10	Ngô Thị Hòa Bình							1-5, LR	28/04/2020					2019
	1140019	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	PPE2008	2	201												1* Đang dung		
09	1140019				40	Nguyễn Mai Hương		1-5, E507						06/01/2020	22/03/2020				2018
10	1140019				40	Nguyễn Mai Hương				1-5, E507				06/01/2020	22/03/2020				2018
11	1140019				40	Nguyễn Mai Hương				7-11, E507				06/01/2020	22/03/2020				2018
12	1140019				40	Đỗ Ánh Tuyết					1-5, E507			06/01/2020	22/03/2020				2018
13	1140019				40	Đỗ Ánh Tuyết					7-11, E507			06/01/2020	22/03/2020				2018
14	1140019				1	Nguyễn Mai Hương							1-5, TC			Lop trung cap			2019
	1090065	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	PPE2008	2	17												PPE2008		
03	1090065				1	.										thai binh			2019
04	1090065				1	.										hung yen			2018
05	1090065				1														2018
09	1090065				14											T_MT-Th ai binh		T_M T-Th ai binh	2018
	1090138	Phương pháp nghiên cứu văn hóa	CLM2036	2	1														
02	1090138				1	..										Nghe an			2019
	1100048	Phương pháp sư phạm Thanh nhạc	VMU2009	2	1												2_TN_M4		
01	1100048				1	Trần Mai Tuyết							1-5, LR			Lop riêng			2016
	1100098	Phương pháp thể hiện ca khúc	VMU2023	3	60												2018		
01	1100098				30	Trần Mai Tuyết					7-11, DNN			30/12/2019					2018
02	1100098				30							2-6, D		30/12/2019		Huy			2018
	1100065	Piano 1.2	PIA2023	1	2												Đang dung		
07	1100065				0	Vũ Thùy Linh	7-11, C308							30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
08	1100065				0	Vũ Thùy Linh					1-6, C308			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
09	1100065				0	Hoàng Thị Trà Mi					7-11, D201			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
10	1100065				0	Vũ Thanh Xuân		1-6, C309						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
11	1100065				0	Lương Diệu Ánh	1-5, C309							30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
12	1100065				0	Ngô Thị Việt Anh					1-6, C309			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
13	1100065				0	Trần Hoài Sơn	7-11, D203							30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
14	1100065				0	Trần Hoài Sơn		1-6, D203						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
15	1100065				0	Nguyễn Thanh Hải					7-11, C308			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
16	1100065				0	Hoàng Thị Trà Mi					1-6, D201			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
17	1100065				0	Mai Linh Chi			7-11, D201					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
18	1100065				0	Dương Vũ Bình Minh		7-11, C309						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
19	1100065				0	Lương Diệu Ánh						7-8, D		30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
20	1100065				0	Dương Vũ Bình Minh		1-5, D						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
21	1100065				1	Vũ Thanh Xuân		7-8, D						30/12/2019		H lai			2019
22	1100065				1	Nguyễn Thanh Hải		7-8, D						30/12/2019					2019
	1100085	Piano 2.1	PIA2024	1	1												Dang dung		
14	1100085				1	Hoàng Thị Trà Mi					7-8, D			30/12/2019		H lai			2015
	1100090	Piano 2.2	PIA2024	1	2												Dang dung		
01	1100090				1	Trần Hoài Sơn			7-11, D201					30/12/2019					2015
02	1100090				1														2015
	1190002	Piano CN 1.2	PIA2003	2															
01	1190002				0	Trần Hà Mi		1-2, D			1-2, D			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
02	1190002				0	Đinh Công Hải	10-12, D201			7-9, D201				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
03	1190002				0	Hà Cẩm Vân	3-5, D202			3-5, D202				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
04	1190002				0	Lê Nam				11-12, D207		11-12, D207		30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
05	1190002				0	Nguyễn Ngọc Anh		2-5, D201		7-11, D208				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
06	1190002				0	Nghiêm Thị Hà Ngân		7-10, D208			7-10, D207			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
07	1190002				0	Đinh Thu Hương		3-5, NHVK		3-5, NHVK				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
08	1190002				0	Bùi Đăng Khánh	4-5, HVAN			4-5, HVAN				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
09	1190002				0	Đoàn Lê Phan Anh		2-5, E306			2-5, E306			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
10	1190002				0	Phạm Hoàng Lê		2-5, E306		2-5, E306				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
11	1190002				0	Nguyễn Thị Hiền Anh		2-5, D201		7-11, D208				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
12	1190002				0	Lại Thị Phương Thảo	2-5, D207			2-5, D207				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
	1190003	Piano CN 2.1	PIA2004	2	10														
11	1190003				3	Nguyễn Thị Hiền Anh		4-6, D201			4-6, D201								2017
12	1190003				3	Trần Hà Mi		7-8, D			7-8, D			30/12/2019					2017
13	1190003				3														2017
14	1190003				1														2017
	1190004	Piano CN 2.2	PIA2004	2	2														
02	1190004				0	Đinh Công Hải	4-6, D201			4-6, D201				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
03	1190004				0	Nguyễn Ngọc Anh	5-6, D208			5-6, D208				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
04	1190004				0	Lê Nam				10-11, D207		10-11, D207		30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
05	1190004				0	Lê Nam		10-12, D207				7-9, D207		30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
06	1190004				0	Hà Cẩm Vân	9-12, D202			9-12, D202				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
07	1190004				0	Đinh Thu Hương		3-6, NH VK		8-10, NH VK				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
08	1190004				0	Nguyễn Thị Hiền Anh					1-2, D			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
09	1190004				0	Trần Hà Mi		7-8, D202			7-8, D202			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
10	1190004				0	Bùi Đăng Khánh	3-4, hvan			3-4, hvan				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
11	1190004				1	Lại Thị Phương Thảo	7-8, D207			7-8, D207				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
12	1190004				1	Trần Hà Mi		1-2, D			1-2, D								2018
	1190005	Piano CN 3.1	PIA2005	2	2														
07	1190005				1	Lại Thị Phương Thảo		7-8, D		7-8, D				30/12/2019					2017
09	1190005				1	Trần Hà Mi		7-8, D			7-8, D			30/12/2019					2017
	1190006	Piano CN 3.2	PIA2005	2	2														
02	1190006				0	Đinh Công Hải	3-4, D201			3-4, D201				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
03	1190006				0	Lại Thị Phương Thảo		7-8, D201		7-8, D201				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
04	1190006				0	Nguyễn Ngọc Anh	4-5, D208			5-6, D208				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
05	1190006				0	Lê Nam		7-9, D207		7-9, D207				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
06	1190006				0	Nghiêm Thị Hà Ngân		2-6, D207				2-6, D207		30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
07	1190006				0	Hà Cẩm Vân	7-8, D202			7-8, D202				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
08	1190006				0	Nguyễn Thị Hiền Anh			7-9, D208		1-3, D208			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
09	1190006				0	Nguyễn Thị Hiền Anh		7-8, D			7-8, D			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
10	1190006				0	Trần Hà Mi		1-4, D202				7-11, D202		30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
11	1190006				1	Đoàn Lê Phan Anh		7-8, D			7-8, D			30/12/2019					2017
12	1190006				1	Phạm Hoàng Lê		1-2, D		1-2, D				30/12/2019					2017
	1190007	Piano CN 4.1	PIA2006	2	10														
12	1190007				1	Đinh Thu Hương						7-8, D		30/12/2019					2016
13	1190007				1	Phạm Hoàng Lê		1-2, D		1-2, D				30/12/2019					2016
14	1190007				1	Lê Hải Thuận	1-2, D			1-2, D				30/12/2019					2016
15	1190007				1														2016
16	1190007				1														2016
17	1190007				1														2016
18	1190007				1														2016
19	1190007				1														2016
20	1190007				1														2016
21	1190007				1														2016
	1190008	Piano CN 4.2	PIA2006	2	2														
01	1190008				0	Đinh Công Hải	2-3, D201			2-3, D201				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2016
02	1190008				0	Nguyễn Ngọc Anh	2-3, D201			2-3, D201				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2016
03	1190008				0	Lê Hải Thuận	4-5, D4			4-5, D4				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2016
04	1190008				0	Lê Nam		7-8, D207		7-8, D207				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2016
05	1190008				0	Nguyễn Thị Hiền Anh		5-6, D208			5-6, D208			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2016
06	1190008				0	Bùi Đăng Khánh	3-6, HVAN			3-6, HVAN				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2016
07	1190008				0	Hà Cẩm Vân	7-8, D202			7-8, D202				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2016
08	1190008				0	Nghiêm Thị Hà Ngân		4-5, D4			4-5, D4			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2016
09	1190008				0	Chu Ngân Hà		4-5, D			4-5, D			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2016
10	1190008				0	Lại Thị Phương Thảo	3-6, D207			3-6, D207				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2016
11	1190008				1	Đoàn Lê Phan Anh		7-8, D			7-8, D			30/12/2019					2016
12	1190008				1	Đinh Thu Hương	1-2, D			1-2, D				30/12/2019					2016
	1080041	Quan hệ công chúng	CLM2042	2	45												7_QLVH_M4_TC		
01	1080041				45	Ng.Thị Thanh Mai					7-11, E503			30/12/2019	19/04/2020				2017
	1090139	Quản lý di sản văn hóa	CLM2020	4	13														
02	1090139				13	..										Nghe an		TC_QLVH-M4 H-Nghe an	2019
	1080023	Quản lý di sản văn hóa	CLM2020	4	2												6_QLVH_M4		
02	1080023				1	Nông Thị Thanh Thuý							1-5, LR			Lop riêng			2016
03	1080023				1														2016
	1080037	Quản lý dự án văn hóa	CLM2038	2	2												7_QLVH_M4		
02	1080037				1														2016
03	1080037				1														2016
	1140021	Quản lý HCNN & Quản lý ngành GD&ĐT	PPE2003	2	120														
01	1140021				40	Lê Thị Nguyên	7-11, E505							06/01/2020	15/03/2020				2017
02	1140021				40	Phạm Thị Thu Hà	7-11, E506							06/01/2020	15/03/2020				2017
03	1140021				40	Phạm Thị Thu Hà			7-11, E506					06/01/2020	15/03/2020				2017
	1090071	Quản lý HCNN & Quản lý ngành GD&ĐT	PPE2003	2	2												PPE2003		
02	1090071				1	.										hung yen			2018

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
03	1090071				1														2018
	1090140	Quản lý hoạt động biểu diễn	CLM2023	2	1														
02	1090140				1	..										Nghe an			2019
	1080025	Quản lý hoạt động quảng cáo	CLM2022	2	45												4_QLVH_M4		
01	1080025				45	Nguyễn Thị Phương Thanh	7-11, E503							30/12/2019	19/04/2020				2018
	1080021	Quản lý thiết chế và các hoạt động VHNT 2	CLM2018	3	45												4_QLVH_M4		
01	1080021				45	Đào Thị Thủy Tiên					7-11, E403			30/12/2019					2018
	1090099	Quản lý thiết chế về các hoạt động văn hóa 1	CLM2053	2	1												CLM2053		
02	1090099				1	..										Nghe an			2019
	1090100	Quản lý thiết chế về các hoạt động văn hóa 2	CLM2054	2	13												CLM2054		
02	1090100				13	..										Nghe an		TC_QLV H- Nghe an	2019
	1090141	Quản lý văn hóa du lịch	CLM2021	2	13														
01	1090141				13	..										Nghe an		TC_QLV H- Nghe an	2019
	1080022	Quản trị dịch vụ văn hóa	CLM2019	2	46												6_QLVH_M4		
01	1080022				45	Đào Thị Thủy Tiên			7-11, E502					30/12/2019	05/04/2020				2017
02	1080022				1	Đào Thị Thủy Tiên							1-5, LR			Lop riêng			2016
	1080119	Quy trình sản xuất film	CLM2081	2	18														
01	1080119				18	Nguyễn Tuấn Anh		1-5, NA402						30/12/2019					2018
	1070047	Sáng tác	MUS2012	2	22												MUS2012		
06	1070047				22	Khuất Duy Nhã							1-11, D2	22/03/2020		K10 + K2 LT			2018
	1090072	Sáng tác	MUS2012	2	2												MUS2012		
01	1090072				1	.										hung yen			2018
02	1090072				1														2018
	1020013	Sáng tác mẫu vải	FAD2019	2	1														
07	1020013				1	Bùi Thị Nam							1-5, LR			Lop riêng			2015
	1060067	Sáng tác Mỹ thuật (HP tốt nghiệp)	FAE2020	6	57												FAE2020		
01	1060067				35								3-4, B						2016
02	1060067				22								3-4, B			K10 LT MT			2018
	1020005	Sáng tác phụ trang	FAD2038	2	60														
01	1020005				15	Nguyễn Hải Hà	1-5, E							06/01/2020	22/03/2020				2017
02	1020005				15	Bùi Thị Nam	1-5, E							06/01/2020	22/03/2020				2017
03	1020005				15	Nguyễn Hải Hà				7-11, E				06/01/2020	22/03/2020				2017
04	1020005				15	Trần Thanh Nga				7-11, E				06/01/2020	22/03/2020				2017
	1170006	Sáng tác thiết kế 2	GRD2024	3	140												2_TKDH_M4		
01	1170006				14	Phạm Minh Phong	9-10, E601		9-10, E601					06/01/2020	10/05/2020				2019
02	1170006				14	Nguyễn Mai Thơ	9-10, E601		9-10, E601					06/01/2020	10/05/2020				2019
03	1170006				14	Nông Thị Thu Trang	9-10, E601		9-10, E601					06/01/2020	10/05/2020				2019
04	1170006				14	Nguyễn Thị Hải Yến	9-10, E601		9-10, E601					06/01/2020	10/05/2020				2019
05	1170006				14	Nguyễn Quang Huy	7-8, E601		7-8, E601					30/12/2019	10/05/2020				2019
06	1170006				14	Nguyễn Mai Thơ	7-8, E601		7-8, E601					30/12/2019	10/05/2020				2019
07	1170006				14	Nông Thị Thu Trang	7-8, E601		7-8, E601					30/12/2019	10/05/2020				2019
08	1170006				14	Nông Thị Thu Trang				9-10, E601		9-10, E601		06/01/2020	10/05/2020				2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
09	1170006				14	Phạm Minh Phong				9-10, E601		9-10, E601		06/01/2020	10/05/2020				2019
10	1170006				14	Nguyễn Quang Huy				9-10, E601		9-10, E601		06/01/2020	10/05/2020				2019
	1170029	Sáng tác thiết kế 4	GRD2026	3	130												4_TKĐH_TH		
01	1170029				13	Nguyễn Đức Lân	3-4, E601		3-4, E601					06/01/2020	24/05/2020				2018
02	1170029				13	Nguyễn Mai Thơ	3-4, E601		3-4, E601					06/01/2020	24/05/2020				2018
03	1170029				13	Nông Thị Thu Trang	3-4, E601		3-4, E601					06/01/2020	24/05/2020				2018
04	1170029				13	Phạm Minh Phong	3-4, E601		3-4, E601					06/01/2020	24/05/2020				2018
05	1170029				13	Nguyễn Đức Lân	1-2, E601		1-2, E601					30/12/2019	24/05/2020				2018
06	1170029				13	Nguyễn Mai Thơ	1-2, E601		1-2, E601					30/12/2019	24/05/2020				2018
07	1170029				13	Nông Thị Thu Trang	1-2, E601		1-2, E601					30/12/2019	24/05/2020				2018
08	1170029				13	Nguyễn Đức Lân				3-4, E601		3-4, E601		06/01/2020	24/05/2020				2018
09	1170029				13	Quách Thị Ngọc An				3-4, E601		3-4, E601		06/01/2020	24/05/2020				2018
10	1170029				13	Phạm Minh Phong				3-4, E601		3-4, E601		06/01/2020	24/05/2020				2018
	1170050	Sáng tác thiết kế 5	GRD2045	3	1														
11	1170050				1														2016
	1170030	Sáng tác thiết kế 5	GRD2027	4	1												7_TKĐH_TH		
03	1170030				1	Phạm Thị Hoa						1-5, LR				Lop riêng			2016
	1170051	Sáng tác thiết kế 6	GRD2046	3	121														
01	1170051				12	Nguyễn Văn Hiến	9-10, E602		9-10, E602					06/01/2020	19/04/2020				2017
02	1170051				12	Nguyễn Lê Mai	9-10, E602		9-10, E602					06/01/2020	19/04/2020				2017
03	1170051				12	Lò Mai Trang	9-10, E602		9-10, E602					06/01/2020	19/04/2020				2017
04	1170051				12	Vũ Minh Hoàng	9-10, E602		9-10, E602					06/01/2020	19/04/2020				2017
05	1170051				12	Lò Mai Trang	7-8, E602		7-8, E602					30/12/2019	19/04/2020				2017
06	1170051				12	Nguyễn Đức Lân	7-8, E602		7-8, E602					30/12/2019	19/04/2020				2017
07	1170051				12	Nguyễn Văn Hiến	7-8, E602		7-8, E602					30/12/2019	19/04/2020				2017
08	1170051				12	Lò Mai Trang				9-10, E602		9-10, E602		06/01/2020	19/04/2020				2017
09	1170051				12									06/01/2020	19/04/2020	Huy chuyen			2017
10	1170051				12	Ng.Hoài Phương Anh				9-10, E602		9-10, E602		06/01/2020	19/04/2020				2017
11	1170051				0														2016
12	1170051				1														2016
	1170031	Sáng tác thiết kế 6	GRD2028	4	2												8_TKĐH_M4		
01	1170031				1	Nguyễn Văn Hiến	9-10, E602		9-10, h ghép					06/01/2020		Ghep lop 3TC vào 4tc			0
02	1170031				1	Nguyễn Thị Hải Yến						1-5, LR				Lop riêng			2016
	1140023	Tâm bệnh học	PPE2015	2	8												2*		
01	1140023				8	Nguyễn Quỳnh Trang				1-5, E501				30/12/2019	15/03/2020				2017
	1090047	Tâm lý học	PPE2001	3	14												PPE2001		
06	1090047				14											T_MT-Th ai binh		T_M T-Th ai binh	2018
	1140006	Tâm lý học Nghệ thuật	PPE2004	2	6												2* Tam_ly giao duc		
01	1140006				6	Nguyễn Quỳnh Trang				7-11, E506				30/12/2019	08/03/2020	K5 HH			2018
	1140010	Tâm lý học tiêu dùng	PPE2005	2	1												2* PPE2005		
04	1140010				1	Nguyễn Quỳnh Trang						1-5, LR				Lop riêng			2016
	1020028	Tạo mẫu trang phục 1	FAD2024	3	45														
07	1020028				15	Ng.Thị Minh Ngọc						1-5, E		06/01/2020	26/04/2020				2019
08	1020028				15	Trần Việt Hùng						1-5, E		06/01/2020	26/04/2020				2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
09	1020028				15	Lê Nguyễn Kiều Trang						1-5, E		06/01/2020	26/04/2020				2019
	1020029	Tạo mẫu trang phục 2	FAD2025	3	75														
01	1020029				15	Đỗ Thu Huyền		1-5, E						06/01/2020	03/05/2020				2018
02	1020029				15	Trần Việt Hùng		1-5, E						06/01/2020	03/05/2020				2018
03	1020029				15	Ng.Thị Minh Ngọc		1-5, E						06/01/2020	03/05/2020				2018
04	1020029				15	Lê Nguyễn Kiều Trang					1-5, E			06/01/2020	03/05/2020				2018
05	1020029				15	Ng.Thị Bích Liên					1-5, E			06/01/2020	03/05/2020				2018
	1020006	Tạo mẫu trang phục 4	FAD2027	3	60														
01	1020006				15	Hoàng Thị Oanh			1-5, E					06/01/2020	03/05/2020				2017
02	1020006				15	Ng.Thị Bích Liên			1-5, E					06/01/2020	03/05/2020				2017
03	1020006				15						1-5, E			06/01/2020	03/05/2020				2017
04	1020006				15	Lê Phương Anh					1-5, E			06/01/2020	03/05/2020				2017
	1020014	Tạo mẫu trang phục 5	FAD2028	3	2														
07	1020014				1	Ng.Thị Bích Liên							1-5, LR			Lop riêng			2016
08	1020014				1														2016
	1200012	Tạo mẫu trang phục cơ bản	DGI2012	2	15														
01	1200012				15	Lê Nguyễn Kiều Trang	7-11, A203							06/01/2020	05/04/2020				2019
	1200013	Tạo mẫu trang phục nâng cao	DGI2013	2	8												tmtpn		
01	1200013				8	Trần Việt Hùng			1-5, E					06/01/2020	05/04/2020				2018
	1100005	Thanh nhạc 1	*VMU2002	1													SPAN		
01	1100005				0	Trần Thị Thảo		1-2, D307						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
02	1100005				0	Đào Thị Khánh Chi				1-2, C307				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
03	1100005				0	Ngân Thị Thương		7-8, D303						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
04	1100005				0	Ngô Quốc Khánh	7-8, D302							30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
05	1100005				0	Vũ Thị Tươi	7-8, C306							30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
06	1100005				0	Đào Tiến Lợi		1-2, D302						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
07	1100005				0	Trần Tân Phương		7-8, C411						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
08	1100005				0	Phạm Thị Thu Trang		1-2, C409						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
09	1100005				0	Vũ Thanh Thủy		1-2, C411						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
10	1100005				0	Vũ Thanh Thủy				7-8, C411				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
11	1100005				0	Nguyễn Thúy Hà				1-2, C409				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
12	1100005				0	Hà Thị Lý				1-2, C411				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
13	1100005				0	Hà Thị Lý		7-8, C408						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
14	1100005				0	Bùi Thanh Tuyền		7-8, C412						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
15	1100005				0	Bùi Thanh Tuyền				7-8, C412				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
16	1100005				0	Nguyễn Thanh Duyên				1-2, C412				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
17	1100005				0	Phạm Bích Ngọc	7-8, C307							30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
18	1100005				0	Đinh Thị Hải Yến	7-8, C410							30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
19	1100005				0	Nguyễn Thu Hằng				7-8, E307				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
20	1100005				0	Trần Thị Thảo							7-8, NC	30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
	1100063	Thanh nhạc 1.2	VMU2004	1	5												2_ Thanh nhạc		
02	1100063				0	Trần Mai Tuyết	7-11, D				7-11, D			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
03	1100063				0	Đỗ Hương Giang			1-2, D		1-2, D			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
04	1100063				0	Đặng Thị Loan		7-11, D		7-11, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
05	1100063				0	Viên Thị Hường		1-5, D		1-5, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
06	1100063				0	Giáp Văn Thịnh	1-2, D			7-8, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
07	1100063				0	Chu Thị Hoài Phương		7-8, D		1-2, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
08	1100063				0	Chu Thị Hoài Phương		1-2, D		7-8, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
09	1100063				0	Lê Thị Tình			1-5, D		1-5, D			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
10	1100063				0	Lê Thị Út	1-2, D		1-2, D					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
11	1100063				0	Lê Minh Tuyền	7-8, D			7-8, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
12	1100063				0	Nguyễn Mai Hương		1-2, D			1-2, D			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
13	1100063				0	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	1-2, D			7-8, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
14	1100063				0	Trịnh Thị Oanh		1-2, D			1-2, D			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
15	1100063				0	Trần Thị Thanh Quý		7-8, D			1-2, D			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
16	1100063				0	Đoàn Thủy Trang	1-2, D			7-8, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
17	1100063				0	Nguyễn Thị Nga		7-8, D			7-8, D			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
18	1100063				0	Nguyễn Chí Công	1-2, D		1-2, D					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
19	1100063				0	Phan Thu Lan			7-8, D		1-2, D			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
20	1100063				0	Đào Tiến Lợi			1-2, D		1-2, D			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
21	1100063				0	Đàm Minh Hưng	1-2, D		1-2, D					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2019
22	1100063				0	Nguyễn Thị Nga		1-2, D			1-2, D			30/12/2019					2019
23	1100063				1	Đoàn Thủy Trang	7-11, D				7-11, D			30/12/2019					2019
24	1100063				1	Giáp Văn Thịnh		1-5, D		1-5, D				30/12/2019					2019
25	1100063				1	Đoàn Thủy Trang	1-2, D		1-2, D					30/12/2019					2019
26	1100063				1	Nguyễn Thị Nga		1-2, D			1-2, D			30/12/2019					2019
27	1100063				1	Đàm Minh Hưng	1-2, D			7-8, D				30/12/2019					2019
	1100068	Thanh nhạc 2	*VMU2003	1	9												4_SPAN		
01	1100068				0	Đào Tiến Lợi	1-2, D							30/12/2019		ko DK			2018
02	1100068				0	Nguyễn Chí Công	7-8, D							30/12/2019		ko DK			2018
03	1100068				0	Bùi Thanh Tuyền			11-12, D					30/12/2019		ko DK			2018
04	1100068				0	Ngân Thị Thương			11-12, D					30/12/2019		ko DK			2018
05	1100068				0	Phạm Thị Thu Trang		7-8, D						30/12/2019		ko DK			2018
06	1100068				0	Đinh Thị Hải Yến			13-14, D					30/12/2019		ko DK			2018
07	1100068				0	Ngân Thị Thương			7-8, D					30/12/2019		ko DK			2018
08	1100068				0	Vũ Thị Tươi			7-8, D					30/12/2019		ko DK			2018
09	1100068				0	Bùi Thanh Tuyền			7-8, D					30/12/2019		ko DK			2018
10	1100068				0	Đinh Thị Hải Yến			7-8, D					30/12/2019		ko DK			2018
11	1100068				0	Trần Thị Thảo				7-8, D				30/12/2019		ko DK			2018
12	1100068				0	Đào Thị Khánh Chi				7-8, D				30/12/2019		ko DK			2018
13	1100068				0	Nguyễn Thúy Hà				7-8, D				30/12/2019		ko DK			2018
14	1100068				0	Vũ Thị Tươi				7-8, D				30/12/2019		ko DK			2018
15	1100068				0	Vũ Thanh Thủy	1-2, D							30/12/2019		ko DK			2018
16	1100068				0	Ngô Quốc Khánh				7-8, D				30/12/2019		ko DK			2018
17	1100068				0	Trần Tân Phương					7-8, D			30/12/2019		ko DK			2018
18	1100068				0	Hà Thị Lý				7-8, D				30/12/2019		ko DK			2018
19	1100068				0	Nguyễn Thanh Duyên					7-8, D			30/12/2019		ko DK			2018
20	1100068				0	Phạm Bích Ngọc					7-8, D			30/12/2019		ko DK			2018
21	1100068				0	Trần Thị Thảo							7-8, NC	30/12/2019		ko DK			2018
22	1100068				1	Nguyễn Thúy Hà				12-13, D				30/12/2019					2018
23	1100068				1														0
24	1100068				1														0
25	1100068				1														0
26	1100068				1									30/12/2019					2018
27	1100068				1														2018
28	1100068				1														2018

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
29	1100068				1														2018
30	1100068				1														2018
	1100040	Thanh nhạc 2.1	VMU2005	1													DH TN		
21	1100040				0	Lê Minh Tuyền	1-2, D			1-2, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
	1100041	Thanh nhạc 2.2	VMU2005	1	3												8_TN_M4		
02	1100041				0	Trần Mai Tuyết	1-2, D		1-2, D					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
03	1100041				0	Đỗ Hương Giang	7-8, D		1-2, D					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
04	1100041				0	Đặng Thị Loan	7-8, D		7-8, D					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
05	1100041				0	Chu Thị Hoài Phương		7-8, D		1-2, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
06	1100041				0	Lê Thị Út		1-2, D		1-2, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
07	1100041				0	Lê Minh Tuyền	1-2, D			1-2, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
08	1100041				0	Hoàng Quốc Tuấn	1-2, D			7-8, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
09	1100041				0	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	7-8, D			1-2, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
10	1100041				0	Trịnh Thị Oanh	7-8, D		7-8, D					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
11	1100041				0	Trần Thị Thanh Quý		7-8, D			7-8, D			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
12	1100041				0	Đoàn Thúy Trang	7-8, D			1-2, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
13	1100041				0	Nguyễn Thị Nga	1-2, D		7-8, D					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
14	1100041				0	Nguyễn Chí Công	1-2, D		1-2, D					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
15	1100041				0	Phan Thu Lan	1-2, D		1-2, D					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
16	1100041				0	Đào Tiến Lợi			1-2, D		1-2, D			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
17	1100041				0	Giáp Văn Thịnh	7-8, D			1-2, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
18	1100041				0	Đỗ Hương Giang	1-2, D			7-8, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
19	1100041				0	Viên Thị Hường			1-2, D		1-2, D			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
20	1100041				0	Đỗ Hương Giang	1-2, D			7-8, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2018
21	1100041				0	Đặng Thị Loan		7-8, D		12-13, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
22	1100041				1	Chu Thị Hoài Phương		7-8, D			1-2, D								2017
23	1100041				1														2017
24	1100041				1														2017
	1100009	Thanh nhạc 3	*VMU2018	1	4												SPAN		
01	1100009				0	Trần Thị Thảo		7-8, D						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
02	1100009				0	Đàm Minh Hưng		7-8, D						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
03	1100009				0	Hoàng Quốc Tuấn		7-8, D						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
04	1100009				0	Đào Thị Khánh Chi		7-8, D						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
05	1100009				0	Đặng Thị Lan		7-8, D						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
06	1100009				0	Nguyễn Thúy Hà		7-8, D						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
07	1100009				0	Phạm Thị Thu Trang			7-8, D					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
08	1100009				0	Trần Tân Phương			7-8, D					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
09	1100009				0	Nguyễn Thanh Duyên			7-8, D					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
10	1100009				0	Phạm Bích Ngọc			7-8, D					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
11	1100009				0	Vũ Thị Tươi					1-2, D			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
12	1100009				0	Nguyễn Thị Huyền					1-2, D			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
13	1100009				0	Đinh Thị Hải Yến		7-8, D						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
14	1100009				0	Trần Thị Thảo							1-2, N cao	30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
15	1100009				0	Nguyễn Thị Huyền							7-8, NC	30/12/2019		ko DK			2019
16	1100009				0	Trần Thị Thảo		13-14, D						30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
21	1100009				1	Đào Thị Khánh Chi							7-8, NC	30/12/2019					2019
22	1100009				1	Ngô Quốc Khánh							7-8, NC	30/12/2019					2019
23	1100009				1	Ngân Thị Thương							7-8, NC	30/12/2019					2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
24	1100009				1	Trần Thị Thảo							1-5, LR			Lop riêng			2017
	1100052	Thanh nhạc 3.1	VMU2006	1													TN		
09	1100052				0	Đặng Thị Loan		7-8, D		12-13, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
	1100056	Thanh nhạc 3.2	VMU2006	1	3												TN		
04	1100056				0	Trần Mai Tuyết		1-2, D		1-2, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
05	1100056				0	Đặng Thị Loan		7-8, D		7-8, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
06	1100056				0	Đặng Thị Loan	7-8, D		7-8, D					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
07	1100056				0	Viên Thị Hường			5-6, D		3-6, D			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
08	1100056				0	Giáp Văn Thịnh	7-8, D			1-2, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
09	1100056				0	Lê Thị Tình			1-2, D		1-2, D			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
10	1100056				0	Lê Minh Tuyền	7-8, D			7-8, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
11	1100056				0	Đỗ Hương Giang	1-2, D		7-8, D					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
12	1100056				0	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	1-2, D			7-8, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
13	1100056				0	Trần Thị Thanh Quý		1-2, D			7-8, D			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
14	1100056				0	Trần Mai Tuyết		1-2, D		1-2, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
15	1100056				0	Đoàn Thúy Trang	7-8, D			1-2, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
16	1100056				0	Hoàng Quốc Tuấn	1-2, D			7-8, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
17	1100056				0	Nguyễn Thị Nga	1-2, D		7-8, D					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
18	1100056				0	Trịnh Thị Oanh	1-2, D		1-2, D					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
19	1100056				0	Lê Thị Út		1-2, D		1-2, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
20	1100056				1	Nguyễn Thị Ngọc Ánh		1-2, D			7-8, D			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2017
21	1100056				1														2017
22	1100056				1														2017
	1100102	Thanh nhạc 4	*VMU2019	1	2														
01	1100102				1											LR			2015
02	1100102				1														2015
	1100010	Thanh nhạc 4	VMU2019	1	3												SPAN		
18	1100010				1	Nguyễn Chí Công							1-5, LR			LR			2015
19	1100010				1	Trần Thị Thảo							1-5, LR			LR			2015
20	1100010				1	Trần Thị Thảo							1-5, LR			LR			2015
	1090048	Thanh nhạc 4	VMU2019	1	2												VMU2019		
02	1090048				1	.										hung yen			2018
03	1090048				1														2018
	1100088	Thanh nhạc 4.1	VMU2007	1													TN		
05	1100088				0	Đặng Thị Loan		7-8, D		7-8, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2016
18	1100088				0	Trần Mai Tuyết		1-2, D		1-2, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2016
19	1100088				0	Hoàng Quốc Tuấn	1-2, D			7-8, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2016
	1100089	Thanh nhạc 4.2	VMU2007	1	2												TN		
01	1100089				0	Nguyễn Thị Nga		1-2, D			7-8, D			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2016
02	1100089				0	Đỗ Hương Giang	7-8, D			7-8, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2016
03	1100089				0	Viên Thị Hường		1-2, D		1-2, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2016
04	1100089				0	Chu Thị Hoài Phương		1-2, D		7-8, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2016
05	1100089				0	Giáp Văn Thịnh	1-2, D			10-11, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2016
06	1100089				0	Lê Thị Tình			7-8, D		7-8, D			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2016
07	1100089				0	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	7-8, D			1-2, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2016
08	1100089				0	Trần Thị Thanh Quý		1-2, D			7-8, D			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2016
09	1100089				0	Lê Minh Tuyền	1-2, D			5-6, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2016
10	1100089				0	Đoàn Thúy Trang	1-2, D			7-8, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2016

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
11	1100089				0	Nguyễn Mai Hương	1-2, D				7-8, D			30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2016
12	1100089				0	Đàm Minh Hưng	1-2, D		1-2, D					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2016
13	1100089				0	Nguyễn Chí Công	1-2, D		1-2, D					30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2016
14	1100089				0	Nguyễn Thị Nga		7-8, D		1-2, D				30/12/2019	26/04/2020	ko DK			2016
15	1100089				1	Phan Thu Lan		1-2, D		1-2, D				30/12/2019					2016
16	1100089				1	Nguyễn Chí Công			1-2, D	1-2, D				30/12/2019		Do trung lịch PT3			2016
	1200016	Thiết bị may	DGI2016	2	15														
01	1200016				15	Ng.Triều Dương		1-5, XM A						06/01/2020	15/03/2020				2019
	1170035	Thiết kế bộ ấn phẩm văn hóa và xuất bản phẩm	GRD2032	2	156												5_TKDH_M4_TC		
01	1170035				13	Nguyễn Văn Hiến	1-5, E605		1-5, E605					30/12/2019	29/02/2020				2016
01A	1170035				0	Nguyễn Quang Huy							1-5, LR			Lop riêng			0
02	1170035				13	Vũ Minh Hoàng	1-5, E605		1-5, E605					30/12/2019	29/02/2020				2016
03	1170035				13	Phạm Phương Linh	1-5, E605		1-5, E605					30/12/2019	29/02/2020				2016
04	1170035				13	Nguyễn Thị Hải Yến	1-5, E602		1-5, E602					30/12/2019	29/02/2020				2016
05	1170035				13	Ng.Hoài Phương Anh	1-5, E602		1-5, E602					30/12/2019	29/02/2020				2016
06	1170035				13	Phạm Hùng Cường	1-5, E602		1-5, E602					30/12/2019	29/02/2020				2016
07	1170035				13	Vũ Minh Hoàng				1-5, E602		1-5, E602		02/01/2020	29/02/2020				2016
08	1170035				13	Lò Mai Trang				1-5, E602		1-5, E602		02/01/2020	29/02/2020				2016
09	1170035				13	Nguyễn Lê Mai				1-5, E602		1-5, E602		02/01/2020	29/02/2020				2016
10	1170035				13	Nguyễn Văn Hiến				1-5, E605		1-5, E605		02/01/2020	29/02/2020				2016
11	1170035				13	Nguyễn Thị Hải Yến				1-5, E605		1-5, E605		02/01/2020	29/02/2020				2016
12	1170035				13	Nguyễn Quang Huy				1-5, E605		1-5, E605		02/01/2020	29/02/2020				2016
	1170036	Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu SP thương mại	GRD2033	2	1												6_TKDH_M4_TC		
14	1170036				1	Nguyễn Văn Hiến							1-5, LR			Lop riêng			2016
	1170037	Thiết kế quảng cáo lĩnh vực Văn hóa	GRD2034	2	157												Thiết kế quảng cáo sự kiện 1 Văn hóa		
01	1170037				13	Phạm Hùng Cường	1-5, E602		1-5, E602					16/03/2020	19/04/2020				2016
02	1170037				13	Ng.Hoài Phương Anh	1-5, E602		1-5, E602					16/03/2020	19/04/2020				2016
03	1170037				13	Phạm Phương Linh	1-5, E602		1-5, E602					16/03/2020	19/04/2020				2016
04	1170037				13	Nguyễn Quang Huy	1-5, E605		1-5, E605					16/03/2020	19/04/2020				2016
05	1170037				13	Vũ Minh Hoàng	1-5, E605		1-5, E605					16/03/2020	19/04/2020				2016
06	1170037				13	Nguyễn Thị Hải Yến	1-5, E605		1-5, E605					16/03/2020	19/04/2020				2016
07	1170037				13	Vũ Minh Hoàng				1-5, E605		1-5, E605		16/03/2020	19/04/2020				2016
08	1170037				13	Nguyễn Văn Hiến				1-5, E605		1-5, E605		16/03/2020	19/04/2020				2016
09	1170037				13	Nguyễn Thị Hải Yến				1-5, E605		1-5, E605		16/03/2020	19/04/2020				2016
10	1170037				13	Lò Mai Trang				1-5, E602		1-5, E602		16/03/2020	19/04/2020				2016
11	1170037				13	Nguyễn Lê Mai				1-5, E602		1-5, E602		16/03/2020	19/04/2020				2016
12	1170037				13	Phạm Phương Linh				1-5, E602		1-5, E602		16/03/2020	19/04/2020				2016
13	1170037				1	Vũ Minh Hoàng							1-5, LR			Lop riêng			2015
	1170052	Thiết kế sân khấu	GRD2044	2	23														
01	1170052				23	Phạm Phương Linh			7-11, E101					06/01/2020		K3 DVK			2017
	1070127	Thực hành Âm nhạc mầm non (HP tốt nghiệp)	MUS2052	5	11														
01	1070127				10								3-4, TN	26/04/2020					2016
02	1070127				1														2016
	1070099	Thực hành Âm nhạc tổng hợp (HP tốt nghiệp)	MUS2050	5	142														

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
01	1070099				125								3-4, TN	26/04/2020					2016
02	1070099				16								1-2, TN	04/05/2020					2018
03	1070099				1								3-4, LT						2016
	1070114	Thực hành Âm nhạc tổng hợp (HP tốt nghiệp)	MUS2054	3	1												SP CD		
01	1070114				1								1-5, TN CD						2015
	1090106	Thực hành biểu diễn Nghệ thuật	CLM2060	3	24												CLM2060		
02	1090106				24													TC_QLV H-Nghe an	2019
	1080057	Thực hành biểu diễn nghệ thuật (HP tốt nghiệp)	CLM2185	3	3												lien thong		
01	1080057				3								1-2, TN	04/05/2020		K7 LT			2018
	1020022	Thực hành công nghệ may 1	FAD2011	3	51														
01	1020022				17	Ngô Thị Thùy Thu			1-5, E703					24/02/2020	03/05/2020				2019
02	1020022				17	Ngô Thị Thùy Thu				1-5, E				24/02/2020	03/05/2020				2019
03	1020022				17	Nguyễn Bích Nhung			1-5, E703					24/02/2020	03/05/2020				2019
	1200024	Thực hành công nghệ may 3	DGI2024	3	8														
01	1200024				8	Nguyễn Bích Nhung	7-11, XM A							03/02/2020	30/05/2020				2018
	1200043	Thực hành sản xuất 2	DGI2043	2	19														
01	1200043				16	Ngô Thị Thùy Thu							1-5, THSX	15/05/2020	15/07/2020				2017
02	1200043				3	Ngô Thị Thùy Thu							1-5, THSX			Chuyen Sang ky sau			2017
	1200029	Thực hành thiết kế kỹ thuật trang phục 2	DGI2029	2	8														
01	1200029				8	Nguyễn Bích Nhung					7-11, XM A			06/01/2020	05/04/2020				2018
	1090144	Thực tập giữa khóa	CLM2048	3	13														
01	1090144				13	..										Nghe an		TC_QLV H-Nghe an	2019
	1080047	Thực tập giữa khóa	CLM2048	3	45												6_QLVH_M5		
01	1080047				45	Vũ Thị Thái Hoa							1-5, TTGK	10/02/2020	22/03/2020				2017
	1190031	Thực tập nghề nghiệp 1	PIA2021	4	25														
01	1190031				25	Lại Thị Phương Thảo							1-5, TTNN	26/04/2020					2017
	1100054	Thực tập nghề nghiệp 1	VMU2014	6	41												6_TN_M5		
01	1100054				41	Trần Mai Tuyết							1-5, TTNN	11/05/2020					2017
	1060074	Thực tập sư phạm 1	FAE2021	2	46												5*FAE2021		
01	1060074				46	Hoàng Thị Dung							1-5, TTSP	09/03/2020	29/03/2020	K12 MT			2018
	1070121	Thực tập sư phạm 1	MUS2046	2	180												ĐH SP		
01	1070121				45	Hoàng Thị Dung							1-5, TTSP	09/03/2020	29/03/2020	A			2018
02	1070121				45	Hoàng Thị Dung							1-5, TTSP	09/03/2020	29/03/2020	B			2018
03	1070121				45	Hoàng Thị Dung							1-5, TTSP	09/03/2020	29/03/2020	C			2018
04	1070121				45	Hoàng Thị Dung							1-5, TTSP	09/03/2020	29/03/2020	D			2018
	1090122	Thực tập sư phạm 2	MUS2047	4	1														
01	1090122				1	.										hung yen			2018
	1060078	Thực tập sư phạm 2	FAE2022	4	1												6*ĐH		
03	1060078				1	Hoàng Thị Dung							1-5, TTSP						2018
	1090081	Thực tập sư phạm 2	FAE2022	4	2												FAE2022		
01	1090081				1														2018
02	1090081				1														2018

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
	1090145	Thực tập tốt nghiệp	CLM2188	3	17														
02	1090145				17	..												TC_QLV H-Ng he an	2019
	1080048	Thực tập tốt nghiệp	CLM2049	3	81												8_QLVH_M5		
01	1080048				40	Nguyễn Thị Thanh Loan							7-11, TTTN	10/02/2020	05/04/2020	gheps K7 LT			2016
02	1080048				40	Lý Minh Huệ							7-11, TTTN	10/02/2020	05/04/2020				2016
03	1080048				1	Tráng Thị Thuý										LR			2016
	1090104	Thực tập tốt nghiệp	CLM2183	4	7												CLM2183		
01	1090104				7	..												CD_QLV H-Ng he an	2019
	1020015	Thực tế chuyên môn 2	FAD2047	2	1														
03	1020015				1	Ng.Thị Bích Liên							1-5, TTCM				Trai ky		2017
	1060064	Thực tế chuyên môn 2	FAE2012	2	24												4*FAE2012		
02	1060064				24	Lê Thị Kim Liên							1-5, TTCM	11/05/2020	07/06/2020	K12 SPMT			2017
	1170043	Thực tế chuyên môn 2	GRD2038	2	135												6_TKDH_M5		
01	1170043				45	Nguyễn Đức Lân							1-5, TTCM	04/05/2020		A			2017
02	1170043				45	Nguyễn Hữu Dũng							1-5, TTCM	04/05/2020		B			2017
03	1170043				45	Nguyễn Quang Huy							1-5, TTCM	04/05/2020		C			2017
	1170044	Thực tế chuyên môn 3	GRD2039	3	180												8_TKDH_M5		
01	1170044				45	Nguyễn Đức Lân							1-5, TTCM	25/05/2020		A			2016
02	1170044				45	Nguyễn Hữu Dũng							1-5, TTCM	25/05/2020		B			2016
03	1170044				45	Nguyễn Quang Huy							1-5, TTCM	25/05/2020		C			2016
04	1170044				45	Nguyễn Xuân Tâm							1-5, TTCM	25/05/2020		D			2016
	1060066	Thực tế chuyên môn 4	FAE2014	2	52												FAE2014		
01	1060066				30	Lê Thị Kim Liên							7-11, B	09/12/2019					2016
02	1060066				22	Lê Thị Kim Liên							1-5, TTCM	09/12/2019		K10 LT MT			2018
	1060050	Thực tế CM 1	FAE2040	3	4												FAE2040		
01	1060050				4	Lê Thị Kim Liên							1-5, TTCM1	04/05/2020					2019
	1060060	Thực tế CM 2	FAE2042	3	5												FAE2041		
01	1060060				5	Lê Thị Kim Liên							7-11, TTCM	11/05/2020	07/06/2020	K5 HH			2018
	1060061	Thực tế CM 3	FAE2043	3	2												FAE2042		
01	1060061				2	Lê Thị Kim Liên							1-5, TTCM	11/05/2020	07/06/2020	K4 HH			2017
	1040003	Tiếng Anh 2	CFL2002	3	585												2* A2 chung		
01	1040003				45	Phạm Thị Ngọc Bích	1-5, E403							06/01/2020	05/04/2020				2019
02	1040003				45	Phạm Thị Ngọc Bích		1-5, E403						06/01/2020	05/04/2020				2019
03	1040003				45	Phạm Thị Ngọc Bích						7-11, E101		06/01/2020	05/04/2020				2019
04	1040003				45	Nguyễn Thanh Dung		7-11, E403						06/01/2020	05/04/2020				2019
05	1040003				45	Nguyễn Thanh Dung				1-5, E403				06/01/2020	05/04/2020				2019
06	1040003				45	Trịnh Thị Hà	7-11, E405							06/01/2020	05/04/2020				2019
07	1040003				45									06/01/2020	05/04/2020	Huy			2019
08	1040003				45	Ngô Thị Hòa			7-11, E403					06/01/2020	05/04/2020				2019
09	1040003				45	Ngô Thị Hòa					1-5, E403			06/01/2020	05/04/2020				2019
10	1040003				45	Trương Tổ Loan				1-5, E405				06/01/2020	05/04/2020				2019
11	1040003				45	Trương Tổ Loan					7-11, E405			06/01/2020	05/04/2020				2019
12	1040003				45									06/01/2020	05/04/2020	Huy			2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
13	1040003				45	Phạm Thị Lý						1-5, E403		06/01/2020	05/04/2020				2019
	1090042	Tiếng Anh chuyên ngành	CFL2005	2	1												CFL2005		
03	1090042				1	.										thai bình			2019
	1090110	Tiếng anh chuyên ngành	CFL2007	2	1												CFL2007		
02	1090110				1	..										Nghe an			2019
	1040014	Tiếng Anh chuyên ngành (AN)	CFL2005	2	1												3* \Am nhạc		
09	1040014				1	Hoàng Thị Thu Hằng							1-5, LR			Lop riêng			2016
	1040015	Tiếng Anh chuyên ngành (DVK)	CFL2010	2	19												3* DVK		
01	1040015				18									06/01/2020		DVK			2018
02	1040015				1	Hoàng Thị Thu Hằng							1-5, LR			Lop riêng			2016
	1040004	Tiếng Anh chuyên ngành (MT)	CFL2003	2	51												MT3		
01	1040004				51	Nguyễn Thanh Dung					1-5, E405			06/01/2020		MT HH			2018
	1040007	Tiếng Anh chuyên ngành (TKDH)	CFL2004	2	1												3* 7_TKDH_M4		
06	1040007				1	Phạm Thị Lý							1-5, LR			LR			2015
	1040009	Tiếng Anh chuyên ngành (TKTT)	CFL2006	2	16												3* TKTT		
03	1040009				16	Phạm Thị Lý							1-5, LR	06/01/2020		Lop riêng			2017
	1080108	Tiếng nói trong kịch - điện ảnh 2	CLM2071	3	29														
01	1080108				29	Kiều Minh Hiếu			1-5, NA402					30/12/2019					2019
	1040017	Tiếng Việt thực hành	CFL2008	2	1												1* CFL2008_2015		
07	1040017				1	Lê Thị Mỹ Hạnh							1-5, LR			Lop riêng			2016
	1020031	Tin học chuyên ngành	FAD2029	3	4														
01	1020031				1	Nguyễn Hoàng Tùng				1-5, h ghép						Ghep TH 2 Tc			2016
02	1020031				1	Nguyễn Hoàng Tùng	1-5, h ghép												2016
03	1020031				1														2016
04	1020031				1														2016
	1020035	Tin học chuyên ngành	FAD2056	2	75														
01	1020035				15	Trần Thanh Nga	1-5, E402							06/01/2020	19/04/2020				2018
02	1020035				15	Nguyễn Hoàng Tùng	1-5, E402							06/01/2020	19/04/2020				2018
03	1020035				15	Hoàng Thắng	1-5, E402							06/01/2020	19/04/2020				2018
04	1020035				15	Trần Thanh Nga				1-5, E402				06/01/2020	19/04/2020				2018
05	1020035				15	Nguyễn Hoàng Tùng				1-5, E402				06/01/2020	19/04/2020				2018
	1080002	Tin học chuyên ngành	CLM2005	2	50												6_QLVH_M1		
01	1080002				25	Lương Minh Tân		1-5, E402						30/12/2019	19/04/2020				2017
02	1080002				25									30/12/2019	19/04/2020	Huy			2017
	1090083	Tin học chuyên ngành	CLM2005	2	1												CLM2005		
02	1090083				1	..										Nghe an			2019
	1170058	Tin học chuyên ngành 1	GRD2050	3	130												2017		
01	1170058				13	Nguyễn Duy Hùng	1-4, E406		1-4, E406					30/12/2019	01/03/2020				2018
02	1170058				13	Tổng Việt Anh	1-4, E406		1-4, E406					30/12/2019	01/03/2020				2018
03	1170058				13	Nguyễn Xuân Giáp	1-4, E406		1-4, E406					30/12/2019	01/03/2020				2018
04	1170058				13									30/12/2019	01/03/2020	Huy chuyen			2018
05	1170058				13	Lê Huy Thục	7-10, E406		7-10, E406					30/12/2019	01/03/2020				2018
06	1170058				13	Nguyễn Hoàng Tùng	7-10, E406		7-10, E406					30/12/2019	01/03/2020				2018
07	1170058				13	Nguyễn Xuân Giáp	7-10, E406		7-10, E406					30/12/2019	01/03/2020				2018
08	1170058				13	Lê Huy Thục				1-4, E406		1-4, E406		30/12/2019	01/03/2020				2018
09	1170058				13	Nguyễn Thanh Huyền				1-4, E406		1-4, E406		30/12/2019	01/03/2020				2018

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
10	1170058				13	Nguyễn Đỗ Long				1-4, E406		1-4, E406		30/12/2019	01/03/2020				2018
	1200027	Tin học chuyên ngành 2	DGI2027	2	8														
01	1200027				8	Đỗ Thu Huyền		7-11, E401						17/02/2020	26/04/2020				2018
	1170059	Tin học chuyên ngành 3	GRD2051	3	120												2017		
01	1170059				12	Nguyễn Duy Hùng		1-4, E406						30/12/2019	19/04/2020				2017
02	1170059				12	Tổng Việt Anh		1-4, E406						30/12/2019	19/04/2020				2017
03	1170059				12	Nguyễn Xuân Giáp		1-4, E406						30/12/2019	19/04/2020				2017
04	1170059				12	Nguyễn Thanh Huyền		1-4, E406						30/12/2019	19/04/2020				2017
05	1170059				12	Lê Huy Thục		7-10, E406						30/12/2019	19/04/2020				2017
06	1170059				12	Nguyễn Duy Hùng		7-10, E406						30/12/2019	19/04/2020				2017
07	1170059				12									30/12/2019	19/04/2020	Huy			2017
08	1170059				12	Nguyễn Duy Hùng					1-4, E406			30/12/2019	19/04/2020				2017
09	1170059				12	Nguyễn Xuân Giáp					1-4, E406			30/12/2019	19/04/2020				2017
10	1170059				12	Tổng Việt Anh					1-4, E406			30/12/2019	19/04/2020				2017
	1170027	Tin học chuyên ngành 3	GRD2022	3	1												6_TKDH_M4		
01	1170027				1	Nguyễn Thanh Huyền							1-5, LR			Lop riêng			2015
	1090123	Tin học chuyên ngành Corel Draw 12 và Photoshop CS2	FAE2073	2	14														
01	1090123				14											T_MT-Th ai binh		T_M T-Th ai binh	2018
	1060008	Tin học chuyên ngành Corel Draw và Photoshop	FAE2073	2	52												4_SPMT_M1		
01	1060008				51	Trang Tố Uyên						1-5, E402		30/12/2019	23/02/2020	K 13 MT + K5 HH			2018
02	1060008				1	Nguyễn Thị Giang						1-5, E401		30/12/2019	23/02/2020	K 13 MT + K5 HH			2018
	1040002	Tin học cơ bản	INF2001	2	175												1* 1_m.chung_M1		
11	1040002				35	Lê Mạnh Hùng		1-5, E401						30/12/2019	08/03/2020				2019
12	1040002				35	Lê Mạnh Hùng			1-5, E401					30/12/2019	08/03/2020				2019
13	1040002				35	Vũ Việt Hoàng				7-11, E401				30/12/2019	08/03/2020				2019
14	1040002				35	Vũ Việt Hoàng					1-5, E401			30/12/2019	08/03/2020				2019
15	1040002				35	Vũ Việt Hoàng			7-11, E401					30/12/2019	08/03/2020				2017
	1090086	Tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam	CLM2007	2	1												CLM2007		
02	1090086				1	..										Nghe an			2019
	1090142	Tổ chức sự kiện	CLM2033	4	13														
01	1090142				13	..										Nghe an		TC_QLV H-Ng he an	2019
	1200035	Tổ chức và quản lý sản xuất may công nghiệp	DGI2035	2	16														
01	1200035				16	Ngô Thị Thủy Thu					1-5, XMA			06/01/2020	15/03/2020				2017
	1070056	Trải nghiệm các hoạt động âm nhạc	MUS2084	2	2												2019		
01	1070056				1	Đoàn Thị Thu Hà							1-5, BS			BS LT			2019
02	1070056				1	Nguyễn Thị Lệ Huyền							1-5, BS			BS LT			2019
	1020027	Trang trí chuyên ngành 1	FAD2022	2	75														
01	1020027				15	Trần Thị Liên	7-11, E	7-11, E						24/02/2020	19/04/2020				2018
02	1020027				15	Trương Tuấn Anh	7-11, E	7-11, E						24/02/2020	19/04/2020				2018
03	1020027				15	Lê Thị Lan	7-11, E	7-11, E						24/02/2020	19/04/2020				2018
04	1020027				15	Lê Mai Trinh				7-11, E	7-11, E			24/02/2020	19/04/2020				2018

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
05	1020027				15	Vũ Thanh Nghị				7-11, E	7-11, E			24/02/2020	19/04/2020				2018
	1020018	Trang trí chuyên ngành 2	FAD2023	2	1														
06	1020018				1	Trương Tuấn Anh							7-11, LR			Lop riêng			2016
	1020039	Trang trí cơ bản 2	FAD2055	2	45														
01	1020039				15	Ngô Thị Thu Hà	1-5, E	1-5, E						16/03/2020	10/05/2020				2019
02	1020039				15	Lê Mai Trinh				1-5, E	1-5, E			16/03/2020	10/05/2020				2019
03	1020039				15	Ngô Thị Thu Hà				1-5, E	1-5, E			16/03/2020	10/05/2020				2019
	1060039	Trang trí cơ bản 2	FAE2052	2	39												2_SPMT_M4		
01	1060039				13	Nguyễn Thị Huyền	7-11, B104	7-11, B104	7-11, B104					30/12/2019	08/03/2020	K14 MT K6 HH			2019
02	1060039				13	Lưu Thị Hồng Diễm	7-11, B105	7-11, B105	7-11, B105					30/12/2019	08/03/2020	K14 MT K6 HH			2019
03	1060039				13	Tạ Đình Thi	7-11, B106	7-11, B106	7-11, B106					30/12/2019	08/03/2020	K14 MT K6 HH			2019
	1090001	Trang trí ứng dụng 1	FAE2004	2	14												FAE2004		
01	1090001				14											T_MT-Th ai bình		T_M T-Th ai bình	2018
	1090012	Trang trí ứng dụng 2	FAE2005	2	14												FAE2005		
01	1090012				14											T_MT-Th ai bình		T_M T-Th ai bình	2018
	1130003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POL2003	2	1												3* 3_mon_chung_ M1		
10	1130003				1	Phạm Ngọc Anh							1-5, LR			Lop riêng			2015
	1130009	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2												ko dung		
01	1130009				1														2015
02	1130009				1														2015
	1090050	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POL2003	2	1												POL2003		
04	1090050				1	.										thai bình			2019
	1040016	Ứng dụng tin học trong GDMN	INF2002	2	1												2*		
02	1040016				1	Vũ Việt Hoàng							1-5, LR			Lop riêng			2015
	1080029	Văn bản quản lý nhà nước về văn hóa	CLM2030	2	2												2_QLVH_M4		
04	1080029				1	Nguyễn Thị Phương Thanh							1-5, LR			LR			2016
05	1080029				1														2016
	1080019	Văn hóa dân gian Việt Nam	CLM2016	2	45												4_QLVH_M3_ TC		
01	1080019				45	Tráng Thị Thuý			7-11, E405					30/12/2019		ghep LT K7			2018
	1090090	Văn hóa dân gian Việt Nam	CLM2016	2	1												CLM2016		
02	1090090				1	..										Nghe an			2019
	1080007	Văn hóa học đại cương	CLM2003	2	84												2_QLVH_M2		
01	1080007				42	Nguyễn Thị Thanh Loan		1-5, E503						30/12/2019	05/04/2020				2019
02	1080007				42									30/12/2019	05/04/2020	Huy			2019
	1140022	Văn học trẻ em	PPE2018	2	10												1*		
01	1140022				10	Hà Thị Thu Hà							7-11, LR	28/04/2020					2019
	1170017	Vật liệu và công nghệ in	GRD2012	2	168												8_TKDH_M3_ TC		
01	1170017				42	Lê Đức Cường		1-5, E603						30/12/2019	23/02/2020				2016
02	1170017				42									30/12/2019	23/02/2020	Huy			2016
03	1170017				42	Nguyễn Hồng Sơn			7-11, E603					30/12/2019	23/02/2020				2016

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
04	1170017				42	Nguyễn Thành Sơn					1-5, E603			30/12/2019	23/02/2020				2016
	1020019	Vẽ kỹ thuật	FAD2001	2	75														
01	1020019				15	Nguyễn Bích Nhung			7-11, E703					24/02/2020	26/04/2020				2018
02	1020019				15	Lưu Ngọc Lan			7-11, E703					24/02/2020	26/04/2020				2018
03	1020019				15	Nguyễn Bích Nhung						7-11, E703		24/02/2020	26/04/2020				2018
04	1020019				15	Ngô Thị Thủy Thu						7-11, E703		24/02/2020	26/04/2020				2018
05	1020019				15	Vũ Mai Hiền			7-11, E703					24/02/2020	26/04/2020				2018
	1170008	Vẽ kỹ thuật	GRD2002	2	130												4_TKDH_M3		
01	1170008				13	Nguyễn Hải Kiên		1-4, E601						24/02/2020	05/04/2020				2018
02	1170008				13	Lê Đức Tùng		1-4, E601						24/02/2020	05/04/2020				2018
03	1170008				13	Quách Thị Ngọc An							1-5, LR	24/02/2020	05/04/2020	1-5, LR			2018
04	1170008				13	Lê Đức Tùng		7-11, E601						24/02/2020	05/04/2020				2018
05	1170008				13	Nguyễn Hồng Sơn		7-11, E601						24/02/2020	05/04/2020				2018
06	1170008				13	Nguyễn Quang Huy		7-11, E601						24/02/2020	05/04/2020				2018
07	1170008				13	Nguyễn Hồng Sơn					1-4, E601			24/02/2020	05/04/2020				2018
08	1170008				13	Vũ Xuân Hiền					1-4, E601			24/02/2020	05/04/2020				2018
09	1170008				13	Lê Đức Tùng					1-4, E602			24/02/2020	05/04/2020				2018
10	1170008				13	Lê Đức Cường					1-4, E602			24/02/2020	05/04/2020				2018
	1170063	Vẽ kỹ thuật - đặc biệt kiến trúc	GRD2002**	2	1														
01	1170063				1														2015
	1080118	Võ thuật điện ảnh	CLM2087	2	18														
01	1080118				18	Phạm Ngọc Dũng			7-11, NA402					30/12/2019					2018
	1080036	Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở	CLM2037	2	2												7_QLVH_M4		
02	1080036				1	Bùi Hồng Hạnh							1-5, LR			LR			2016
03	1080036				1														2016
	1090096	Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở	CLM2037	2	13												CLM2037		
02	1090096				13	..										Nghe an		TC_QLV H-Nghe an	2019

Người lập